

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

-----□ □ □ -----



BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN
Học phần: THIẾT KẾ PHẦN MỀM
ĐỀ TÀI:
THIẾT KẾ WEBSITE CANIFA

Giáo viên hướng dẫn : Ths Nguyễn Thị Thanh Huyền
Nhóm: 15

Thành viên : Nguyễn Ngọc Huyền - 2022600391
 Nguyễn Thị Hồng Nhụng - 2022606049
 Nguyễn Thanh Tùng - 2022607244
 Hoàng Quốc Việt - 2021605504
 Lê Văn Yên - 2021606076

Mã Lớp: 20241IT6096005

HÀ NỘI - 2024

Mục lục

Mục lục	2
DANH MỤC HÌNH ẢNH	4
Chương I : Mô tả chức năng	5
1.1 Biểu đồ use case.	5
1.1.1 Các use case phần front end	6
1.1.2 Các use case phần back end	8
1.2 Mô tả use case	9
1.2.1. Mô tả use case Đăng nhập (Nguyễn Ngọc Huyền)	9
1.2.2 Mô tả use case Bảo trì khuyến mãi (Nguyễn Ngọc Huyền)	10
1.2.3 Mô tả use case Bảo trì sản phẩm.(Lê Văn Yên)	12
1.2.4 Mô tả use case Quản lý giỏ hàng.(Lê Văn Yên)	14
1.2.5 Mô tả use case Quản lý đơn hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung)	16
1.2.6 Mô tả use case Đặt hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung)	18
1.2.7 Mô tả use case Bảo trì danh mục.(Nguyễn Thanh Tùng)	21
1.2.8 Mô tả use case Xem chi tiết sản phẩm.(Nguyễn Thanh Tùng)	23
1.2.9 Mô tả use case Bảo trì thông tin người dùng	25
1.2.10 Mô tả xem Thông tin người dùng	27
Chương II : Phân tích use case	28
2.1 Phân tích các usecase	28
2.1.1 Phân tích usecase Đăng nhập (Nguyễn Ngọc Huyền)	28
2.1.2 Phân tích use case Bảo trì khuyến mãi (Nguyễn Ngọc Huyền)	29
2.1.3 Phân tích use case Bảo trì sản phẩm (Lê Văn Yên)	32
2.1.4 Phân tích use case Quản lý giỏ hàng (Lê Văn Yên)	36
2.1.5 Phân tích usecase Quản lý đơn hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung):	38
2.1.6 Phân tích usecase Đặt hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung):	41
2.1.7 Phân tích use case Bảo trì danh mục.(Nguyễn Thanh Tùng)	42
2.1.8 Phân tích use case Xem chi tiết sản phẩm(Nguyễn Thanh Tùng)	45
2.1.9 Phân tích use case Xem thông tin tài khoản(Hoàng Quốc Việt)	46
2.1.10 Phân tích use case Bảo trì thông tin người dùng(Hoàng Quốc Việt)	48
2.2 Các biểu đồ tổng hợp	49
2.2.1 Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống	49
2.2.2 Biểu đồ các lớp phân tích của hệ thống	49

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Biểu đồ use case.....	5
Hình 1.2: Biểu đồ use case phía front - end.....	6
Hình 1.2: Biểu đồ use case phía back - end.....	8

Chương I : Mô tả chức năng

1.1 Biểu đồ use case.



Hình 1.1: Biểu đồ use case

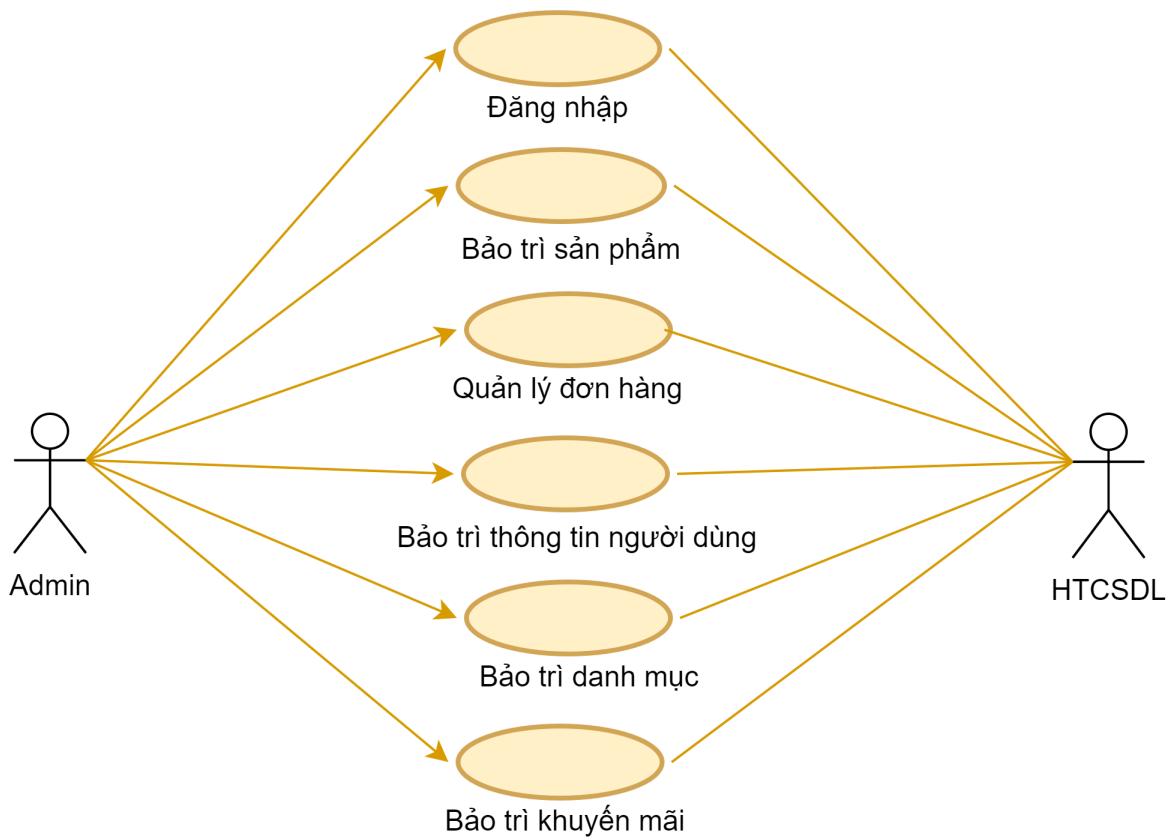
1.1.1 Các use case phần front end



Hình 1.2: Biểu đồ use case phía front - end

- 1. Đăng nhập:** Cho phép khách hàng đăng nhập vào hệ thống.
- 2. Xem danh mục:** Cho phép khách hàng xem danh sách sản phẩm theo từng nhóm sản phẩm.
- 3. Xem chi tiết sản phẩm:** Cho phép khách hàng xem chi tiết thông tin về sản phẩm.
- 4. Xem cửa hàng:** Cho phép khách hàng xem thông tin về các cửa hàng offline.
- 5. Đặt hàng:** Cho phép khách hàng đặt mua các mặt hàng trong giỏ hàng.
- 6. Quản lý giỏ hàng:** Cho phép khách hàng thêm, bớt sản phẩm trong giỏ hàng.
- 7. Tìm kiếm sản phẩm:** Cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm mong muốn theo tên.
- 8. Sửa thông tin tài khoản:** Cho phép khách hàng thêm, xóa và sửa các thông tin cá nhân.
- 9. Xem khuyến mãi:** Cho phép khách hàng xem các khuyến mãi.
- 10. Thanh toán:** Cho phép khách hàng thanh toán các sản phẩm đã chọn.
- 11. Xem thông tin tài khoản:** Cho phép khách hàng xem thông tin cá nhân
- 12. Xem đơn hàng:** cho phép khách hàng theo dõi các đơn hàng đã đặt

1.1.2 Các use case phần back end



Hình 1.2: Biểu đồ use case phía back - end

- Đăng nhập:** Cho phép admin đăng nhập vào hệ thống.
- Bảo trì thông tin người dùng:** Cho phép admin thêm, sửa, xóa thông tin của người dùng trong bảng THONG_TIN_TK.
- Quản lý đơn hàng:** Cho phép admin xem đơn hàng, xem chi tiết đơn hàng, sửa trạng thái đơn hàng trong bảng DON_HANG và CHI_TIET_DON_HANG.
- Bảo trì sản phẩm:** Cho phép admin thêm, sửa thông tin sản phẩm, xóa sản phẩm trong bảng SAN_PHAM và KICH_CO_SP_MAU.
- Bảo trì danh mục:** Cho phép admin thêm, sửa, xóa thông tin của bảng DANH_MUC.
- Bảo trì khuyến mãi:** Cho phép admin thêm, sửa, xóa các thông tin của

chương trình khuyến mãi trong bảng KHUYEN_MAI.

1.2 Mô tả use case

1.2.1. Mô tả use case Đăng nhập (Nguyễn Ngọc Huyền)

1. Tên use case:

Đăng nhập.

2. Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép khách hàng đăng nhập để xác nhận quyền truy cập của hệ thống.

3. Luồng sự kiện:

3.1. Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng kích vào nút “Tài Khoản”, sau đó, hệ thống sẽ xuất hiện một form đăng nhập. Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập số điện thoại trong form thông tin đó.
2. Khách hàng nhập số điện thoại sau đó kích vào nút “Tiếp theo”. Sau đó, khách hàng chọn phương thức nhận mã xác thực qua zalo hoặc tin nhắn sms.
3. Khách hàng nhập mã xác thực rồi kích nút “Xác nhận”, sau đó hệ thống sẽ kiểm tra mã xác thực và so sánh thông tin tài khoản mà khách hàng nhập với thông tin tài khoản trong bảng THONG_TIN_TK rồi chuyển tiếp đến trang chủ của website sau khi đăng nhập thành công.

3.2. Luồng rẽ nhánh:

1. Sai mã xác thực: tại bước 3 trong luồng cơ bản nếu khách hàng nhập sai mã xác thực thì hệ thống sẽ hiển thị lên màn hình “mã OTP không đúng”. Use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Nếu nhập sai mã xác thực thì được gửi lại mã xác thực sau 3 phút.

5. Tiền điều kiện:

Không có.

6. Hậu điều kiện:

Nếu use case thành công, khách hàng sẽ được đăng nhập vào hệ thống. Nếu không trạng thái của hệ thống sẽ không thay đổi.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

THONG_TIN_TK			
MaTK	VarChar(10)	NN	(PK)
TenTK	NVarChar(20)	NN	
GioiTinh	NVarChar(10)	NN	
Email	VarChar(20)	NN	
NgaySinh	DateTime	NN	
SDT	Integer	NN	
MaXacThuc	Integer	NN	
MaTheThanhVien	VarChar(100)	NN	
Cpoint	Integer	NN	
NgayBatDau	DateTime	NN	
NgayKetThuc	DateTime	NN	

1.2.2 Mô tả use case Bảo trì khuyến mãi (Nguyễn Ngọc Huyền)

1. Tên use case:

Bảo trì khuyến mãi.

2. Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên xem, thêm, cập nhật, xóa các thông tin chương trình khuyến mại trong bảng KHUYEN_MAI.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi quản trị viên kích vào nút "Bảo trì khuyến mại" trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các khuyến mại gồm: Mã khuyến mại, tên chương trình, giá khuyến mại, ngày bắt đầu, ngày kết thúc của bảng KHUYEN_MAI trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách các ưu đãi lên màn hình.

2. Thêm khuyến mãi:

- Quản trị viên kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách khuyến mại. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho khuyến mại gồm mã, tên, giá, ngày bắt đầu, kết thúc.
- Quản trị viên nhập thông tin của mã, tên, giá, ngày bắt đầu, kết thúc sau đó kích nút “Tạo”. Hệ thống sẽ sinh một mã khuyến mại mới, tạo một chương trình khuyến mại trong bảng KHUYEN_MAI và hiển thị danh sách các chương trình khuyến mại đã được cập nhật.

3. Sửa khuyến mãi:

- Quản trị viên kích vào nút “Sửa” trên cửa sổ danh sách khuyến mại. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh sách khuyến mại gồm: tên

chương trình, giá khuyến mại, ngày bắt đầu, ngày kết thúc của bảng KHUYEN_MAI trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên màn hình.

- b. Quản trị viên nhập thông tin mới cho tên, giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc và kích vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của chương trình khuyến mại được chọn trong bảng KHUYEN_MAI và hiển thị danh sách chương trình khuyến mại đã cập nhật.

4. Xoá khuyến mãi:

- a. Quản trị viên kích vào nút “Xóa” trên cửa sổ danh sách chương trình khuyến mại. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xoá.
- b. Quản trị viên kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa chương trình khuyến mại được chọn khỏi bảng KHUYEN_MAI và hiển thị danh sách chương trình khuyến mại đã cập nhật.

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu quản trị viên nhập thông tin khuyến mại không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Quản trị viên có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc.
2. Tại bước 2b, 3b trong luồng cơ bản nếu quản trị viên kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách chương trình trong bảng KHUYEN_MAI.
3. Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu quản trị viên kích vào nút “Không đồng ý” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các chương trình trong bảng KHUYEN_MAI.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị 1 thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò quan trọng như quản trị viên, người chủ hệ thống thực hiện.

5. Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập với vai trò quản trị viên trước khi có thể thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về chương trình khuyến mại sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

KHUYEN_MAI			
MaKM	VarChar(10)	NN	(PK)
TenChuongTrinh	VarChar(100)		
GiaKM	Money		
NgayBatDau	DateTime		
NgayKetThuc	DateTime		

1.2.3 Mô tả use case Bảo trì sản phẩm.(Lê Văn Yên)

1. Tên use case:

Bảo trì sản phẩm.

2. Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng SAN_PHAM.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích chuột vào nút “Sản phẩm” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin của các sản phẩm (Mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá bán, mô tả, chất liệu, hướng dẫn sử dụng, phần trăm giảm giá, mã khuyến mại, mã danh mục) từ bảng SAN_PHAM trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách các sản phẩm lên màn hình.

2. Thêm sản phẩm:

a. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách sản phẩm. Hệ thống hiển thị lên màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho sản phẩm gồm: Tên sản phẩm, giá bán, mô tả, chất liệu, hướng dẫn sử dụng, phần trăm khuyến mại, mã khuyến mại, mã danh mục và thông tin chi tiết khác của sản phẩm bao gồm: mã màu, mã kích cỡ, mã hình ảnh, mã loại sản phẩm.

b. Người quản trị nhập thông tin của sản phẩm, tự sinh một mã sản phẩm mới và kích vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ tạo một sản phẩm mới trong bảng SAN_PHAM và hiển thị danh sách các sản phẩm đã được cập nhật.

3. Sửa sản phẩm:

a. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng sản phẩm. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của sản phẩm được chọn gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá bán, mô tả, chất liệu, hướng dẫn sử dụng,

phần trăm khuyến mại, mã khuyến mại, mã danh mục cùng các thông tin chi tiết khác của sản phẩm bao gồm: mã màu, mã kích thước, mã hình ảnh, mã loại sản phẩm và hiển thị lên màn hình.

- b. Người quản trị nhập thông tin mới cho sản phẩm được chọn gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá bán, mô tả, chất liệu, hướng dẫn sử dụng, phần trăm khuyến mại, mã khuyến mại, mã danh mục cùng các thông tin chi tiết khác bao gồm: mã màu, mã kích thước, mã hình ảnh, mã loại sản phẩm và kích vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của sản phẩm được chọn trong bảng SAN_PHAM và hiển thị danh sách sản phẩm đã cập nhật.

4. Xoá sản phẩm:

- Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng sản phẩm. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
- Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa sản phẩm được chọn khỏi bảng SAN_PHAM và hiển thị danh sách các sản phẩm đã cập nhật. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh

- Tại bước (2) hoặc (3) trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin sản phẩm không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc
- Tại bước (2) hoặc (3) trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm hoặc sửa tương ứng và hiển thị danh sách các sản phẩm trong bảng SAN_PHAM.
- Tại bước (4) trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Không đồng ý” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các sản phẩm trong bảng SAN_PHAM.
- Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Để thực hiện bảo trì sản phẩm người quản trị cần đăng nhập với vai trò quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện:

Không có.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

- Dữ liệu liên quan:

SAN_PHAM			
MaSP	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKM	VarChar(10)	NN	(FK)
TenSP	NVarChar(50)	NN	
GiaBan	Money	NN	
MoTa	NText	NN	
ChatLieu	NVarChar(20)	NN	
HuongDanSD	NText	NN	
PhanTramKM	Money	NN	
MaDM	VarChar(10)	NN	(FK)

1.2.4 Mô tả use case Quản lý giỏ hàng.(Lê Văn Yên)

1. Tên use case:

Quản lý giỏ hàng.

2. Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép khách hàng quản lý giỏ hàng của mình trên trang web Canifa bao gồm: thêm hàng vào giỏ, xem giỏ hàng, sửa số lượng, xóa hàng khỏi giỏ.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

- Use case này bắt đầu khi khách hàng ấn chọn giỏ hàng. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin sản phẩm mà khách hàng đã thêm vào giỏ hàng bao gồm: bao gồm tên sản phẩm, mã sản phẩm và giá sản phẩm lấy từ bảng SAN_PHAM, ảnh lấy từ bảng ANH, kích cỡ, màu sắc, số lượng sản phẩm lấy từ bảng KICH_CO_SP_MAU, số lượng chọn mua lấy ở bảng GIO_HANG_CHI_TIET
- Khách hàng sửa số lượng của một sản phẩm thì click vào biểu tượng (+) để tăng số lượng sản phẩm, biểu tượng (-) để giảm số lượng sản phẩm, hệ thống sẽ cập nhật lại số tiền, tạm tính tổng tiền và hiển thị lên giỏ hàng.
- Khách hàng click vào nút (X) để xóa sản phẩm của một sản phẩm trong giỏ hàng. Hệ thống sẽ xóa sản phẩm đó ra khỏi giỏ hàng, Hệ thống cập nhật lại số tiền và hiển thị lên giỏ hàng. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu không có sản phẩm nào ở trong giỏ hàng. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo: “Hiện chưa có sản phẩm nào trong giỏ hàng”. Use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, khi khách hàng chọn vào biểu tượng (+) để tăng số lượng, nếu sản phẩm đã hết hàng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo: “Sản phẩm này hiện đã hết hàng” hoặc nếu số lượng sản phẩm không đủ với số lượng mà khách hàng muốn mua, hệ thống sẽ hiển thị thông báo: “Chỉ còn lại (số lượng sản phẩm còn) sản phẩm có sẵn”. Use case kết thúc.
3. Tại bước 3 nếu khách hàng ấn vào nút “Hủy” thì sản phẩm mà khách muốn chọn để xóa sẽ được giữ nguyên. Và khách hàng sẽ quay lại với giỏ hàng. Use case kết thúc.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4.Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

5.Tiền điều kiện:

Không có.

6. Hậu điều kiện:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về giỏ hàng sẽ được cập nhật. Tổng số tiền tạm tính trong giỏ hàng được hiển thị chính xác.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

SAN_PHAM			
MaSP	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKM	VarChar(10)	NN	(FK)
TenSP	NVarChar(50)	NN	
GiaBan	Money	NN	
MoTa	NText	NN	
ChatLieu	NVarChar(20)		
HuongDanSD	NText		
PhanTramKM	Money		
MaDM	VarChar(10)	NN	(FK)

ANH			
MaAnh	VarChar(10)	NN	(PK)
MaMau	VarChar(10)	NN	(FK)
MaSP	VarChar(10)	NN	(FK)
DuongDanHinhAnh Char(100)			

KICH_CO_SP_MAU			
MaKichCo	NVarChar(20)	NN	(FK)
MaMau	VarChar(10)	NN	(FK)
MaSP	VarChar(10)	NN	(FK)
SoLuongCon Integer			
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)

GIO_HANG_CHI_TIET			
MaGH	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)
SoLuongChonMua Integer			

1.2.5 Mô tả use case Quản lý đơn hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung)

1. Tên use case:

Quản lý đơn hàng.

2. Mô tả văn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên xem đơn hàng, xem chi tiết đơn hàng, sửa trạng thái đơn hàng trong phần quản lý đơn hàng.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi quản trị viên đăng nhập vào hệ thống và chọn vào chức năng “Quản lý đơn hàng” trên menu quản trị. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các đơn hàng gồm có những thông tin như: Mã đơn hàng, Mã số địa chỉ, Mã ưu đãi, Ngày đặt, Tên đơn hàng, Mã tài khoản, Giá trị đơn hàng, Phương thức thanh toán, Tên khách hàng, Số điện thoại, Địa chỉ giao hàng, Loại địa chỉ, Điểm KHTT, C-Point sử dụng từ bảng DON_HANG và hiển thị lên màn hình.
2. Quản trị viên ấn nút “Chi tiết” vào 1 đơn hàng bất kỳ từ bảng DON_HANG. Hệ thống sẽ hiển thị chi tiết thông tin về đơn hàng như: Mã đơn hàng, Mã số địa chỉ, Mã ưu đãi, Ngày đặt, Tên đơn hàng, Mã tài khoản, Giá trị đơn hàng, Phương thức thanh toán, Tên khách hàng, Số điện thoại, Địa chỉ giao hàng, Loại địa chỉ, Điểm KHTT, Cpoint sử dụng, Số

lượng mua, Mã màu, Mã kích cỡ, Mã sản phẩm, Số lượng còn từ bảng DON_HANG, CHI_TIET_DON_HANG, KICH_CO_SP_MAU và hiển thị lên màn hình.

3. Cập nhật đơn hàng:

- a. Người quản trị kích vào nút “cập nhật” trên một đơn hàng bất kỳ trên giao diện danh sách đơn hàng. Hệ thống sẽ hiển thị giao diện biểu mẫu chứa các thông tin của đơn hàng được kích chuột. Sau khi người quản trị điền các thông tin cần cập nhật của đơn hàng và kích chuột vào nút “Lưu thay đổi”. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận cập nhật đơn hàng.
- b. Người quản trị kích vào nút “xác nhận”. Hệ thống sẽ cập nhật lại đơn hàng được chọn vào bảng DONHANG bao gồm các thông tin (Mã đơn hàng, ngày đặt, mã người dùng) sau đó hiển thị lại giao diện danh sách các đơn hàng sau khi được cập nhật.

4. Hủy đơn hàng:

- a. Người quản trị kích vào nút “Hủy” trên một đơn hàng bất kỳ trên giao diện danh sách đơn hàng. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
- b. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ hủy đơn hàng được chọn khỏi bảng DONHANG và hiển thị danh sách các đơn hàng đã được cập nhật

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước 3b trong luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ hủy bỏ thao tác xóa và trả lại giao diện danh sách các đơn hàng.
2. Tại bước 4b trong luồng cơ bản, nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ hủy bỏ thao tác cập nhật đơn hàng và trả lại giao diện danh sách các đơn hàng.
3. Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo "lỗi máy chủ" và use case kết thúc

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Quản trị viên cần đăng nhập tài khoản với vai trò quản trị hệ thống.

6. Hậu điều kiện:

Sau khi use case kết thúc, thông tin về các đơn hàng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

DON_HANG			
MaDH	VarChar(10)	NN	(PK)
MaSDC	VarChar(10)	NN	(FK)
MaUD	Text	NN	(FK)
MaTK	VarChar(10)	NN	(FK)
TenDH	NVarChar(30)	NN	
HoTenKH	NVarChar(30)	NN	
SDT	Integer	NN	
DiaChiGH	NVarChar(30)	NN	
LoaiDiaChi	NVarChar(20)	NN	
DiemKHTT	Integer	NN	
GiaTriDonHang	Money	NN	
CPointSuDung	Integer	NN	
NgayDat	DateTime		

CHI_TIET_DON_HANG

MaDH	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)
SoLuongMua	Integer		

KICH_CO_SP_MAU

MaKichCo	NVarChar(20)	NN	(FK)
MaMau	VarChar(10)	NN	(FK)
MaSP	VarChar(10)	NN	(FK)
SoLuongCon	Integer		
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)

1.2.6 Mô tả use case Đặt hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung)

1. Tên use case:

Đặt hàng

2. Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép khách hàng đặt mua các sản phẩm trong giỏ hàng.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi khách hàng ấn vào nút “Thanh toán” trong giỏ hàng từ bảng GIO_HANG. Hệ thống sẽ hiển thị ra giao diện đặt hàng gồm có thông tin giao hàng(họ tên, số điện thoại, tỉnh/thành phố, quận/ huyện, phường/xã, nhập địa chỉ, loại địa chỉ), phương thức thanh toán(thanh toán khi nhận hàng, VNPAY, ShopeePay), thông tin về sản phẩm(tên sản phẩm,

màu sắc, size, giá tiền, số lượng), mã ưu đãi, dùng C-point, chi tiết đơn hàng(giá trị đơn hàng, chiết khấu), điểm KHTT, tổng tiền thanh toán từ bảng DON_HANG, CHI_TIET_DON_HANG, KICH_CO_SP_MAU, SO_DIA_CHI, UU_DAI, PHUONG_THUC_THANH_TOAN.

2. Đienia thông tin:

- a. Thông tin giao hàng: Khách hàng điền thông tin giao hàng như: họ tên, số điện thoại, tỉnh/thành phố, quận/ huyện, phường/xã, nhập địa chỉ, loại địa chỉ từ bảng SO_DIA_CHI. Hệ thống sẽ lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu và hiển thị ra màn hình.
- b. Phương thức thanh toán: Khách hàng chọn vào 1 trong 3 phương thức thanh toán từ bảng PHUONG_THUC_THANH_TOAN. Hệ thống sẽ lấy thông tin từ bảng PHUONG_THUC_THANH_TOAN và hiển thị ra màn hình.
- c. Mã ưu đãi:
 - i. Khách hàng chọn mã ưu đãi từ bảng UU_DAI. Hệ thống sẽ lấy thông tin từ bảng UU_DAI và hiển thị lên màn hình.
 - ii. Khách hàng chọn hoặc nhập mã ưu đãi và ấn nút “sử dụng”. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Áp dụng thành công” và hiển thị lên màn hình.
- d. Dùng C – point: Khách hàng nhập số C-point. Hệ thống hiển thị thông báo “số C-point khả dụng” và hiển thị lên màn hình. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước 1 trong luồng cơ bản, khi khách hàng ấn vào “Tiếp tục mua sắm”. Hệ thống sẽ quay lại trang chủ của trang web. Use case kết thúc
2. Tại bước 2a trong luồng cơ bản, khi khách hàng nhập sai định dạng số điện thoại. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Số điện thoại không đúng”. Use case kết thúc.
3. Tại bước 2a trong luồng cơ bản, khi khách hàng không nhập thông tin vào ô “Nhập địa chỉ” hoặc nhập sai định dạng. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Vui lòng nhập địa chỉ giao hàng” hoặc “Địa chỉ không đúng”. Use case kết thúc.
4. Tại bước 2b trong luồng cơ bản, khi khách hàng không chọn phương thức thanh toán. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Vui lòng chọn phương thức thanh toán”. Use case kết thúc.

5. Tại bước 2cii trong luồng cơ bản, khi khách hàng nhập mã ưu đãi sai. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Mã giảm giá không đúng hoặc không thỏa mãn điều kiện chương trình, vui lòng kiểm tra lại.”. Use case kết thúc.
 6. Tại bước 2d trong luồng cơ bản, khi khách hàng nhập “dùng C-point” không đúng định dạng. Hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Bạn nhập quá số C-point khả dụng” hoặc “Vui lòng nhập số C-point”. Use case kết thúc.
 7. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.
4. Các yêu cầu đặc biệt:
- Không có.
5. Tiền điều kiện
- Để đặt được hàng cần phải đăng nhập vào trang web với tài khoản đã đăng nhập.
6. Hậu điều kiện:
- Sau khi use case kết thúc, đơn hàng sẽ được đặt thành công và thông tin đơn hàng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.
7. Điểm mở rộng:
- Không có.
- Dữ liệu liên quan:

CHI_TIET_DON_HANG			
MaDH	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)
SoLuongMua	Integer		

KICH_CO_SP_MAU			
MaKichCo	NVarChar(20)	NN	(FK)
MaMau	VarChar(10)	NN	(FK)
MaSP	VarChar(10)	NN	(FK)
SoLuongCon	Integer		
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)

SO_DIA_CHI			
MaSDC	VarChar(10)	NN	(PK)
MaPhuong	VarChar(10)	NN	(FK)
MaTK	VarChar(10)	NN	(FK)
HoTen	VarChar(50)		
DienThoai	Integer		
TinhThanhPho	VarChar(100)		
QuanHuyen	VarChar(100)		
PhuongXa	VarChar(100)		
ChiTietDiaChi	VarChar(100)		
LoaiDiaChi	VarChar(100)		
DiaChiMacDinh	VarChar(100)		

UU_DAI			
MaUD	Text	NN	(PK)
PhanTramGG	NVarChar(20)		
TGBatDau	DateTime	NN	
TGKetThuc	DateTime	NN	
DiaDiemUU DAI	NVarChar(20)	NN	
DieuKien	NVarChar(30)	NN	
GiamTheoGiaTien	Money		

PHUONG_THUC_THANH_TOAN			
MaPTTT	VarChar(10)	NN	(PK)
MaDH	VarChar(10)	NN	(PK)
TenPhuongThuc	NVarChar(50)	NN	

1.2.7 Mô tả use case Bảo trì danh mục.(Nguyễn Thanh Tùng)

1. Tên use case:

Bảo trì danh mục sản phẩm.

2. Mô tả văn tắt:

Use Case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng DANHMUC.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị click vào “Danh mục” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các danh mục gồm: mã danh mục, tên danh mục trong cơ sở dữ liệu và hiển thị các loại lên màn hình.
2. Thêm danh mục:

- a. Người quản trị click vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách các danh mục. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho danh mục: tên danh mục.
- b. Người quản trị nhập tên danh mục, tự sinh một mã danh mục mới và click vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ tạo một danh mục mới trong bảng DANH_MUC và hiển thị danh sách các danh mục đã được cập nhật.

3. Sửa danh mục:

- a. Người quản trị click vào nút “Sửa” trên một dòng danh mục. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh mục được chọn gồm: mã danh mục, tên danh mục từ bảng DANH_MUC và hiển thị lên màn hình.
- b. Người quản trị nhập tên danh mục và click vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của danh mục được chọn trong bảng DANH_MUC và hiển thị danh sách danh mục đã cập nhật.

4. Xoá danh mục:

- a. Người quản trị click vào nút “Xóa” trên một dòng danh mục. Hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Bạn có chắc chắn muốn xóa danh mục này?” lên màn hình.
- b. Người quản trị click vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa danh mục được chọn khỏi bảng DANH_MUC và hiển thị danh sách các danh mục đã cập nhật. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin danh mục không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc click vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc.
2. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị click vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các danh mục trong bảng DANH_MUC.
3. Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị click vào nút “Không đồng ý” thì hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các danh mục trong bảng DANH_MUC.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Quản trị viên cần đăng nhập tài khoản với vai trò quản trị hệ thống.

6. Hậu điều kiện:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về danh mục sản phẩm sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

DANH_MUC			
MaDM	VarChar(10)	NN	(PK)
MaDM	VarChar(10)	NN	(FK)
TenDM	NVarChar(20)	NN	
MaLoai	VarChar(10)	NN	(FK)

LOAI_SP			
MaLoai	VarChar(10)	NN	
TenLoai	NVarChar(20)	NN	

1.2.8 Mô tả use case Xem chi tiết sản phẩm.(Nguyễn Thanh Tùng)

1. Tên use case:

Xem chi tiết sản phẩm.

2. Mô tả văn tắt:

Use case cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết của sản phẩm trên trang web.

3. Luồng sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị click vào “Danh mục” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các danh mục gồm: mã danh mục, tên danh mục trong cơ sở dữ liệu và hiển thị các loại lên màn hình..
2. Khách hàng kích vào ảnh minh họa của một sản phẩm bất kỳ trong danh sách các sản phẩm. Hệ thống sẽ lấy thông tin chi tiết của sản phẩm được chọn gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá bán, mô tả, chất liệu, hướng dẫn sử dụng, phần trăm khuyến mại, mã khuyến mại từ bảng SAN_PHAM cùng với các thông tin chi tiết khác của sản phẩm bao gồm: Mã màu, mã kích cỡ, mã ảnh từ bảng

KICH_CO_SP_MAU, bảng ANH và hiển thị lên màn hình. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh

1. Tại bước (1) trong luồng cơ bản, nếu không tìm thấy sản phẩm thuộc danh mục được chọn thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Không tìm thấy sản phẩm nào thuộc danh mục này!” và use case kết thúc.
2. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

5. Tiền điều kiện

Không có.

6. Hậu điều kiện:

Không có.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

SAN_PHAM			
MaSP	VarChar(10)	NN	(PK)
MaKM	VarChar(10)	NN	(FK)
TenSP	NVarChar(50)	NN	
GiaBan	Money	NN	
MoTa	NText	NN	
ChatLieu	NVarChar(20)		
HuongDanSD	NText		
PhanTramKM	Money		
MaDM	VarChar(10)	NN	(FK)

KICH_CO_SP_MAU			
MaKichCo	NVarChar(20)	NN	(FK)
MaMau	VarChar(10)	NN	(FK)
MaSP	VarChar(10)	NN	(FK)
SoLuongCon	Integer		
MaKSM	VarChar(10)	NN	(PK)

ANH		
MaAnh	VarChar(10)	NN (PK)
MaMau	VarChar(10)	NN (FK)
MaSP	VarChar(10)	NN (FK)
DuongDanHinhAnh	Char(100)	

1.2.9 Mô tả use case Bảo trì thông tin người dùng

1. Tên use case:

Bảo trì thông tin người dùng.

2. Mô tả văn tắt:

Use Case này cho phép người quản trị hệ thống thêm, sửa, xoá thông tin người dùng cho trang web.

3. Luồng sự kiện:

3.1. Luồng cơ bản:

1. Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút “Quản lý thông tin người dùng” trên thanh menu. Hệ thống sẽ lấy thông tin danh sách các người dùng bao gồm: mã tài khoản, tên tài khoản, email, số điện thoại trong bảng THONG_TIN_TK trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên màn hình.
2. Thêm người dùng:
 - a. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách các người dùng. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin người dùng gồm: tên tài khoản, email và số điện thoại.
 - b. Người quản trị nhập thông tin gồm tên tài khoản, email, số điện thoại, tự sinh một mã người dùng mới và kích vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ tạo một người dùng mới trong bảng THONG_TIN_TK và hiển thị danh sách các người dùng đã được cập nhật.
3. Sửa thông tin người dùng:
 - a. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng của thông tin người dùng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của người dùng được chọn gồm tên tài khoản, email, số điện thoại từ bảng THONG_TIN_TK và hiển thị lên màn hình.
 - b. Người quản trị nhập thông tin mới cho tên tài khoản, email, số điện thoại và kích vào nút “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của người dùng được chọn trong bảng THONG_TIN_TK và hiển thị danh sách các người dùng đã cập nhật.
4. Xoá người dùng:

- a. Người quản trị kích vào nút “Xóa” trên một dòng của thông tin người dùng. Hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Bạn có chắc chắn muốn xóa người dùng này?” lên màn hình.
- b. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa người dùng được chọn khỏi bảng THONG_TIN_TK và hiển thị danh sách đã cập nhật. Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin người dùng không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc.
2. Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách sách trong bảng THONG_TIN_TK.
3. Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút “Không đồng ý” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách trong bảng THONG_TIN_TK.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

5. Tiền điều kiện:

Người quản trị cần đăng nhập với vai trò quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về người dùng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

Dữ liệu liên quan:

THONG_TIN_TK		
MaTK	VarChar(10)	NN (PK)
TenTK	NVarChar(20)	NN
GioiTinh	NVarChar(10)	NN
Email	VarChar(20)	NN
NgaySinh	DateTime	NN
SDT	Integer	NN
MaXacThuc	Integer	NN
MaTheThanhVien	VarChar(100)	
Cpoint	Integer	
NgayBatDau	DateTime	
NgayKetThuc	DateTime	

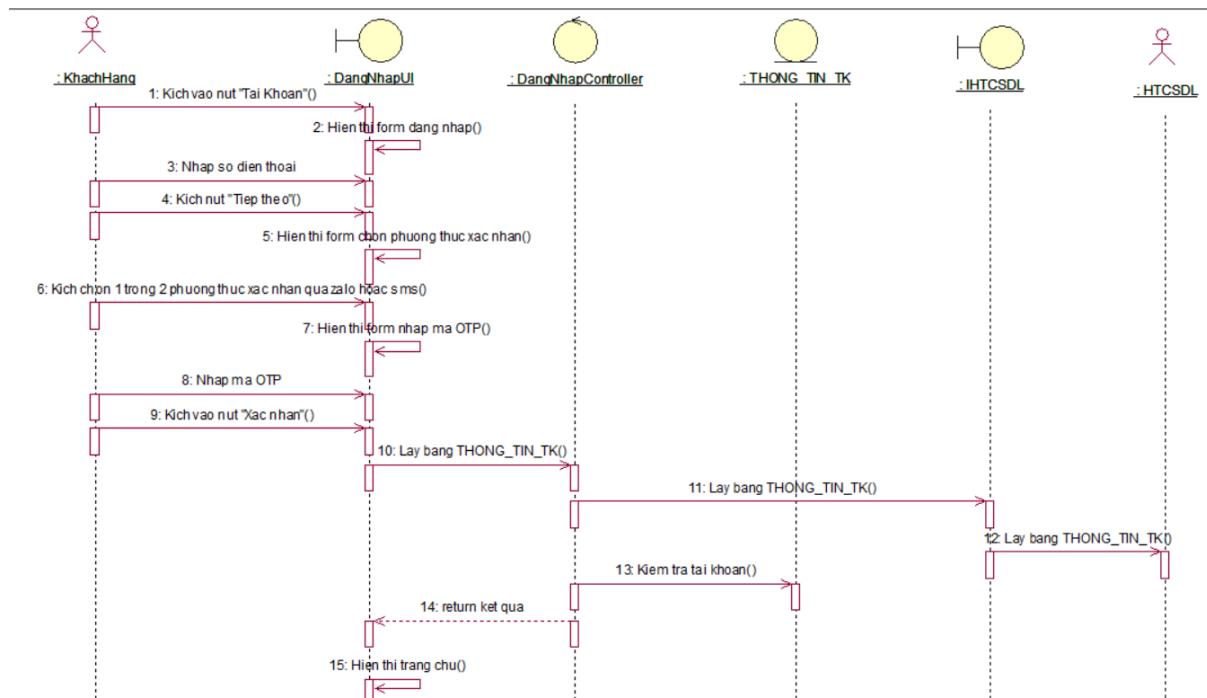
1.2.10 Mô tả xem Thông tin người dùng

Chương II : Phân tích use case

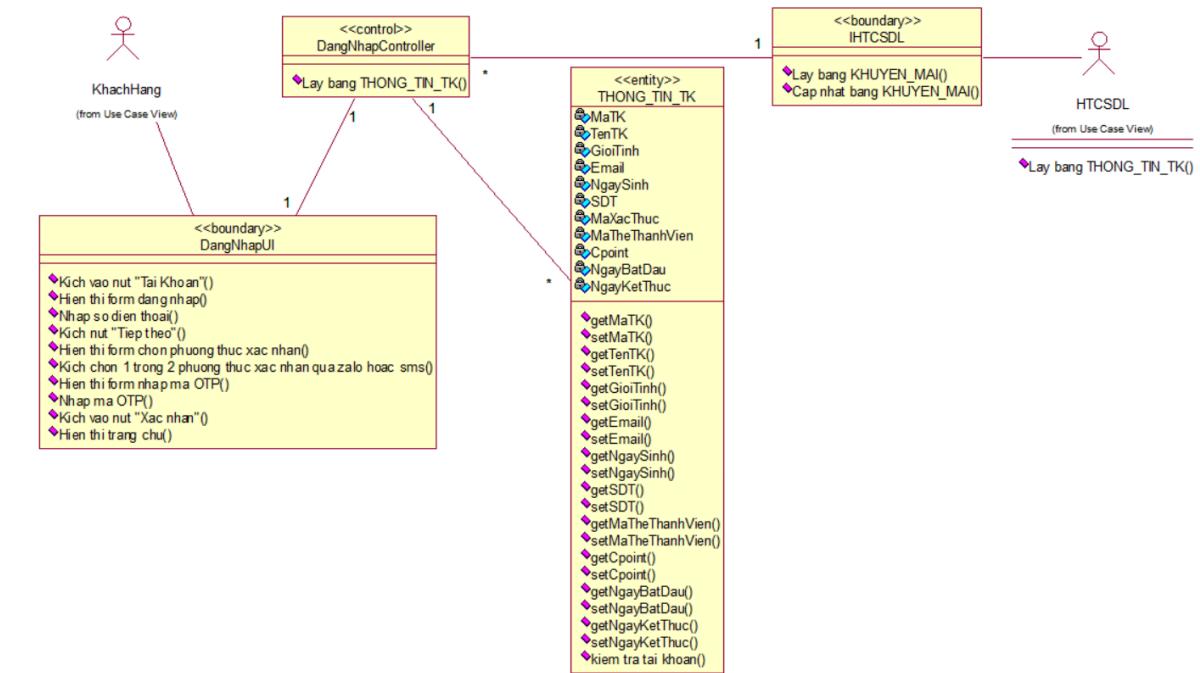
2.1 Phân tích các usecase

2.1.1 Phân tích usecase Đăng nhập (Nguyễn Ngọc Huyền)

2.1.1.1. Biểu đồ trình tự

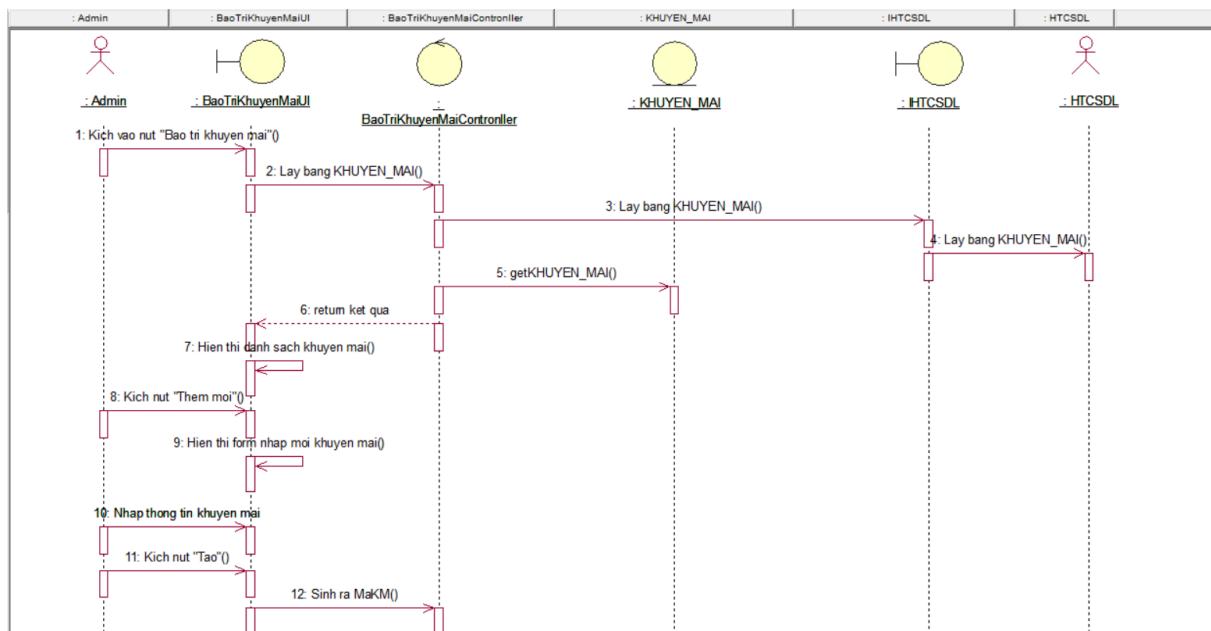


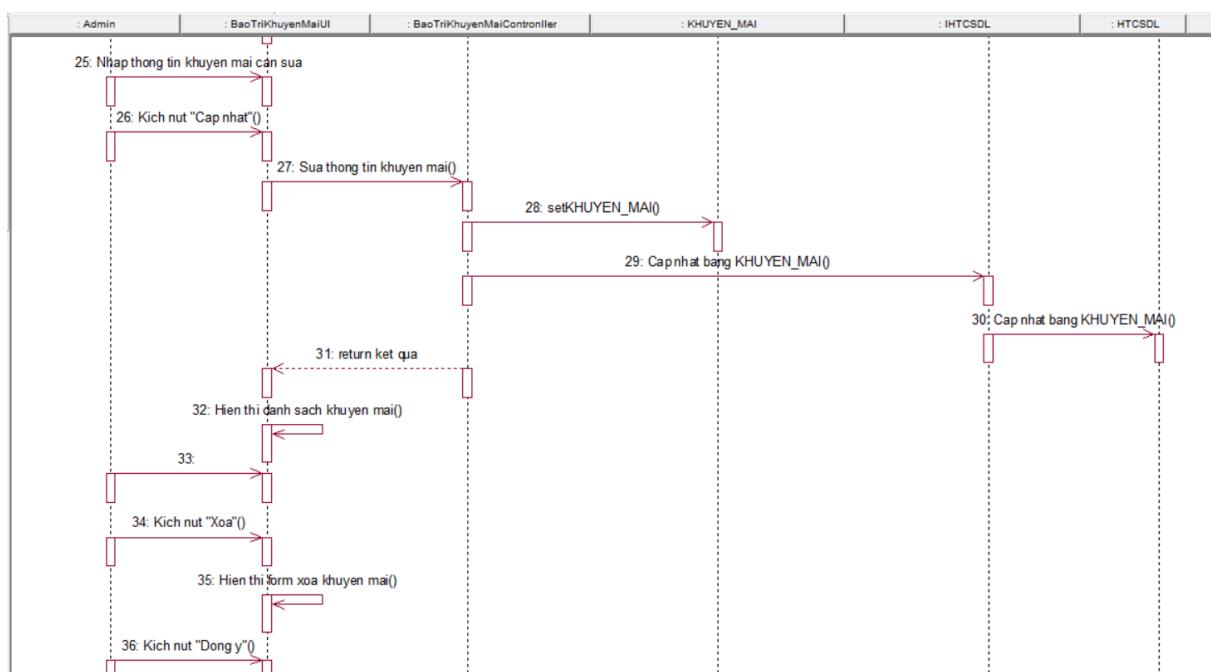
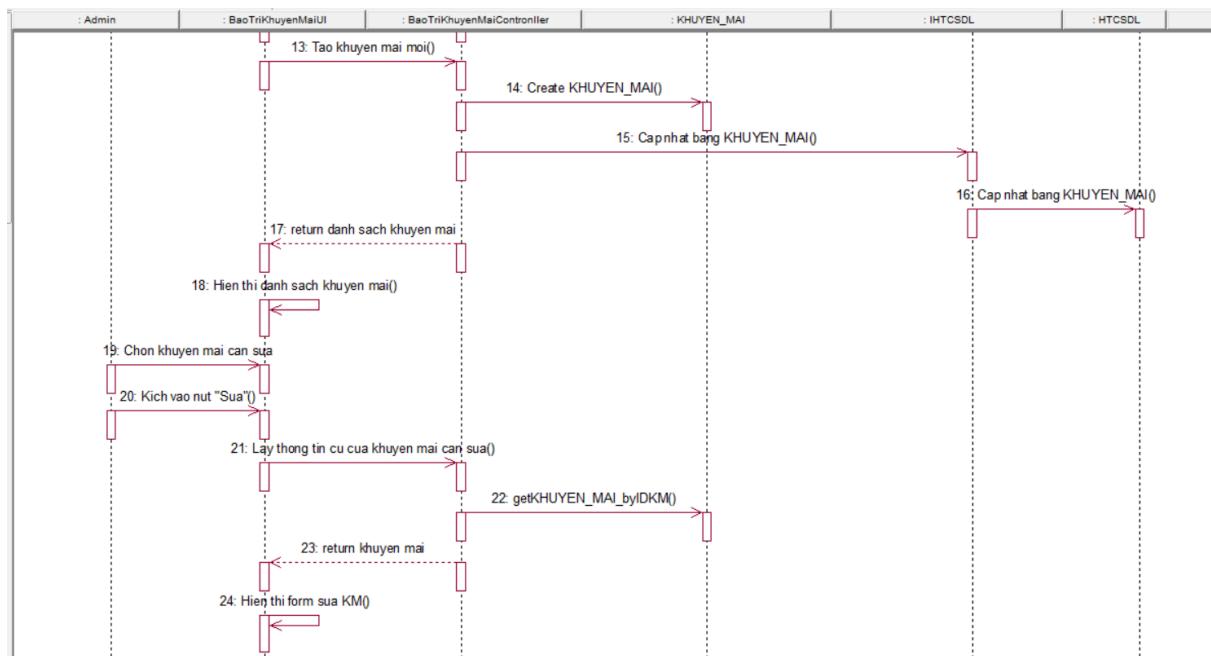
2.1.1.2. Biểu đồ lớp phân tích

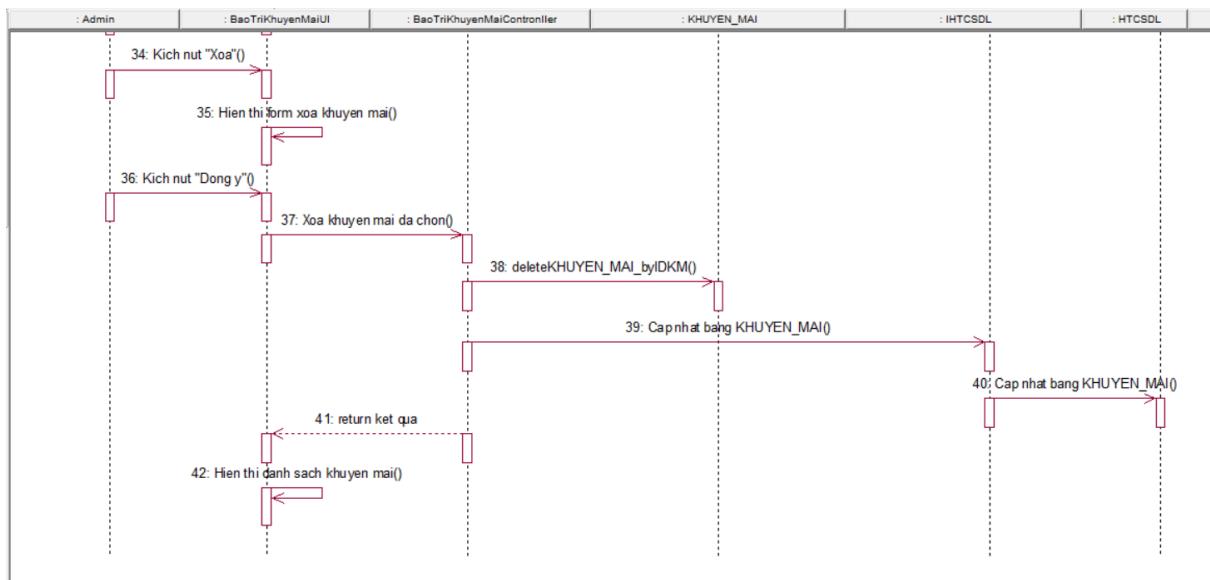


2.1.2 Phân tích use case Bảo trì khuyến mãi (Nguyễn Ngọc Huyền)

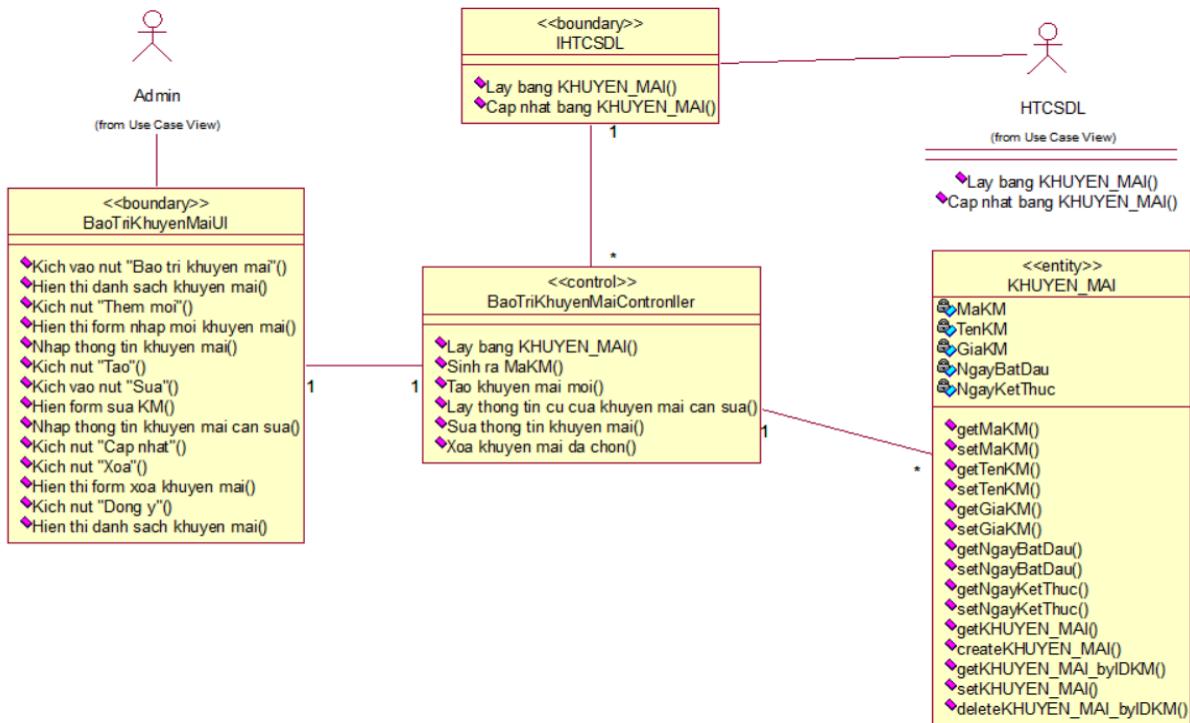
2.1.2.1 Biểu đồ trình tự





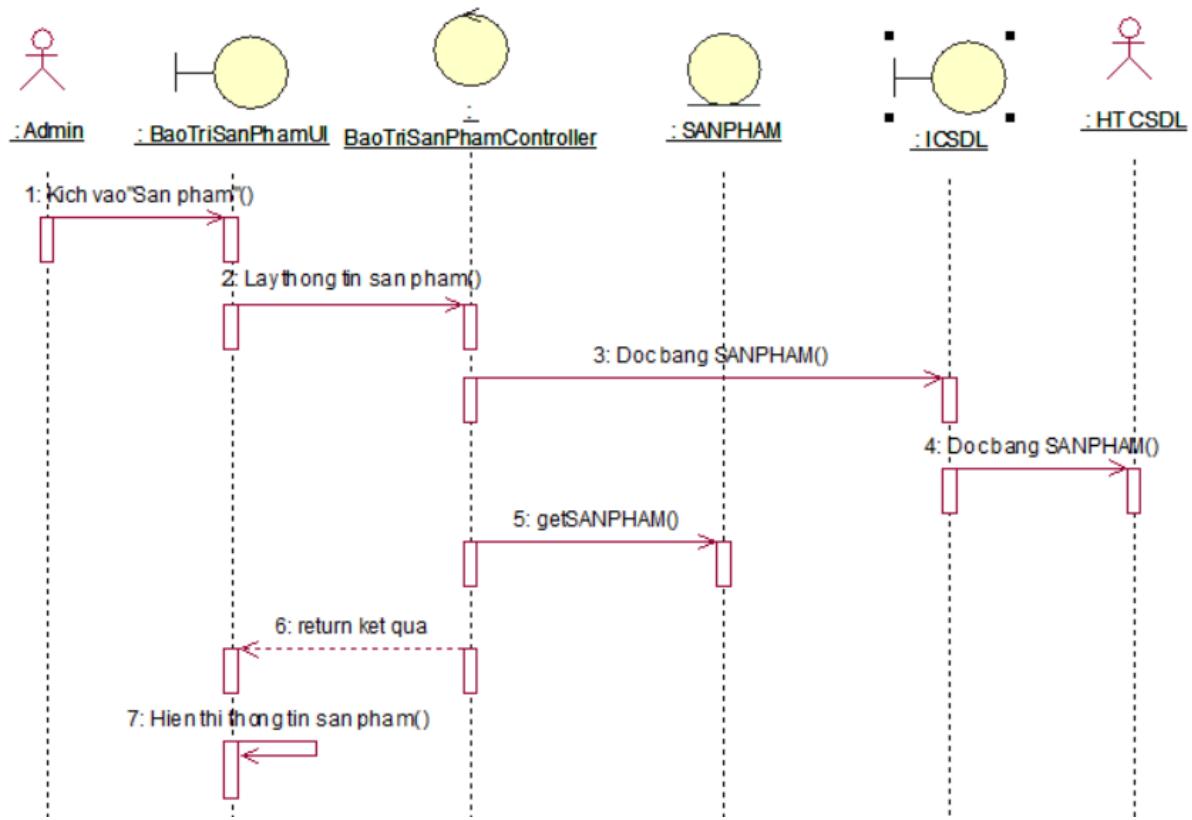


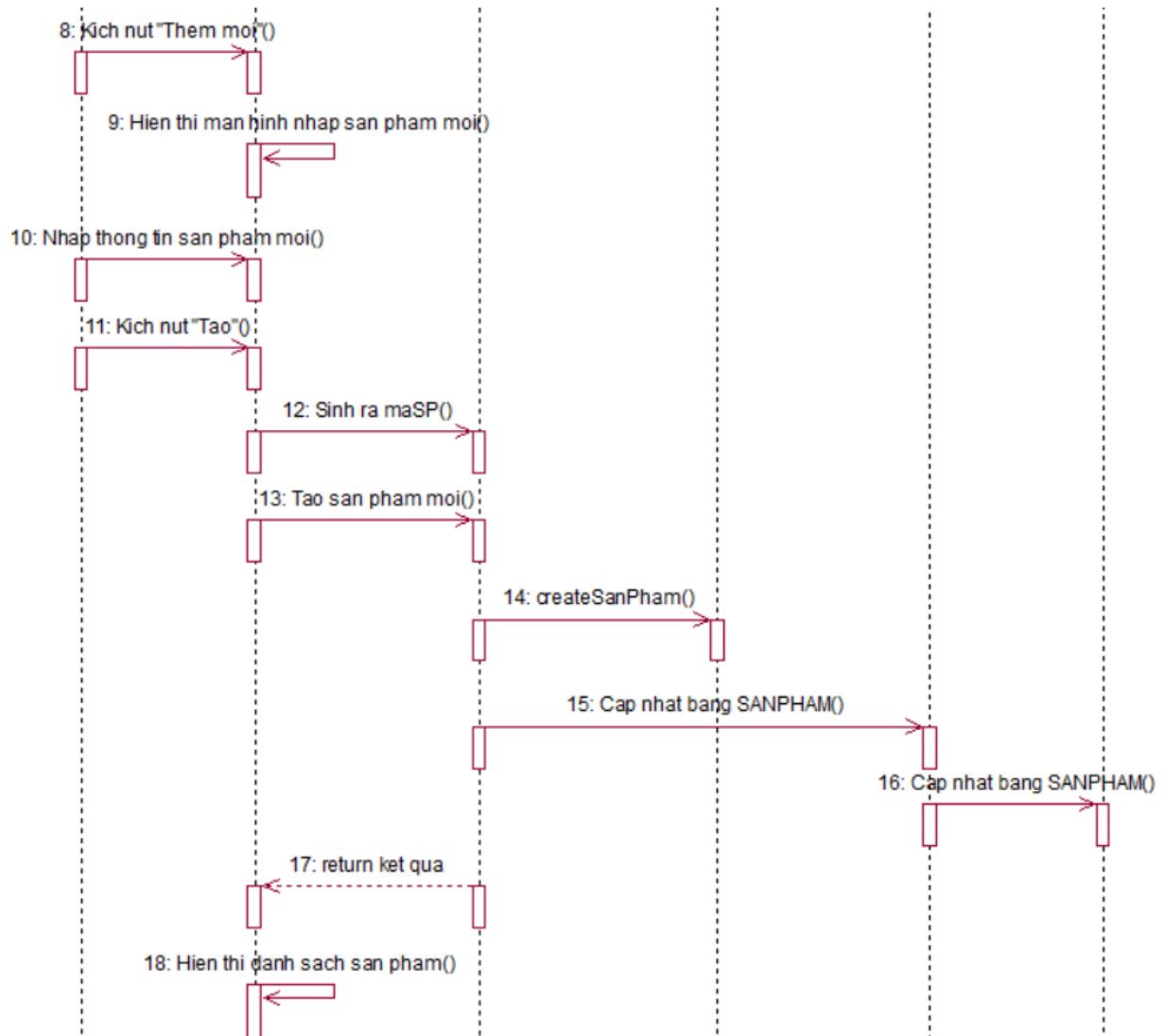
2.1.2.2 Biểu đồ lớp phân tích

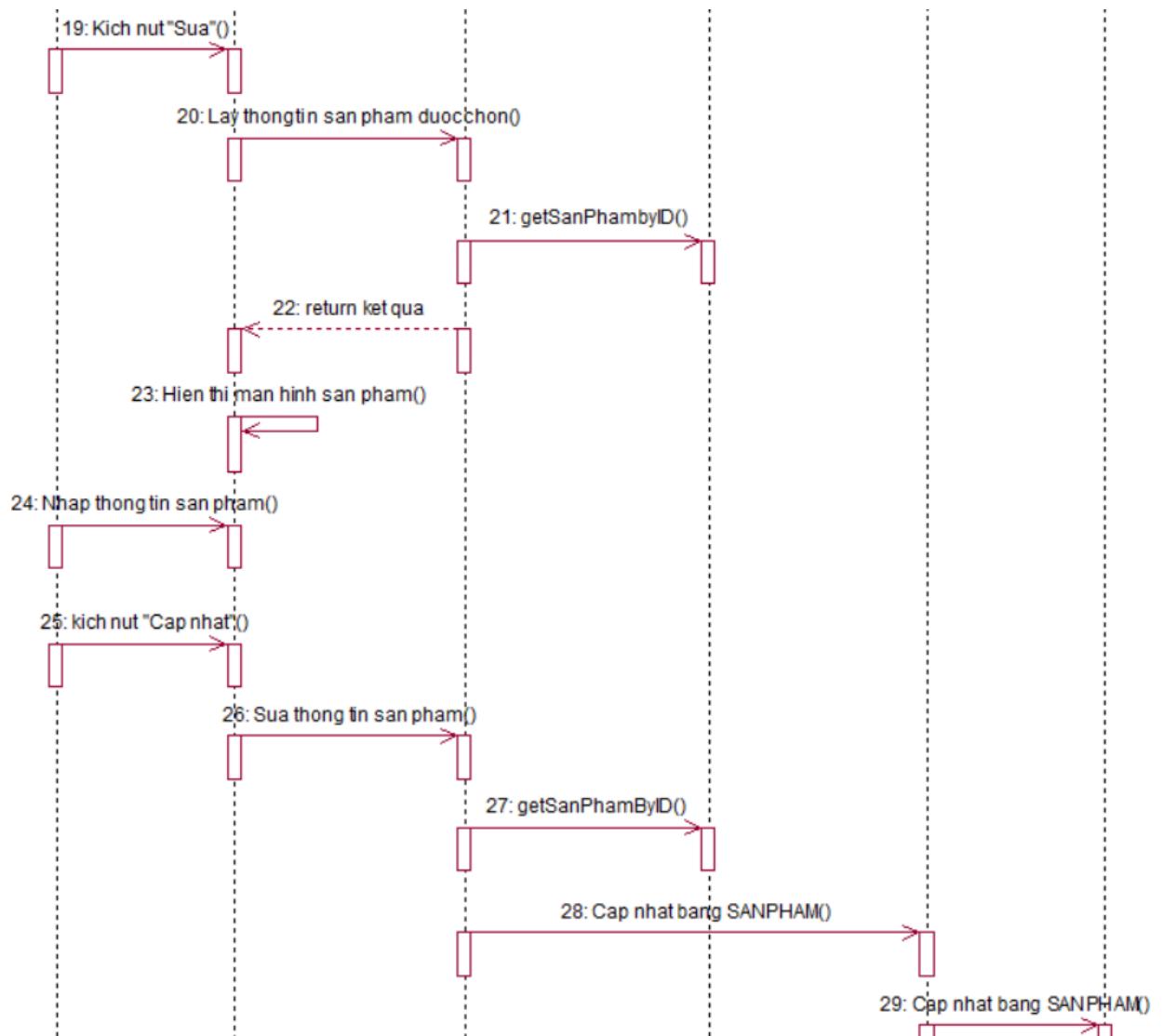


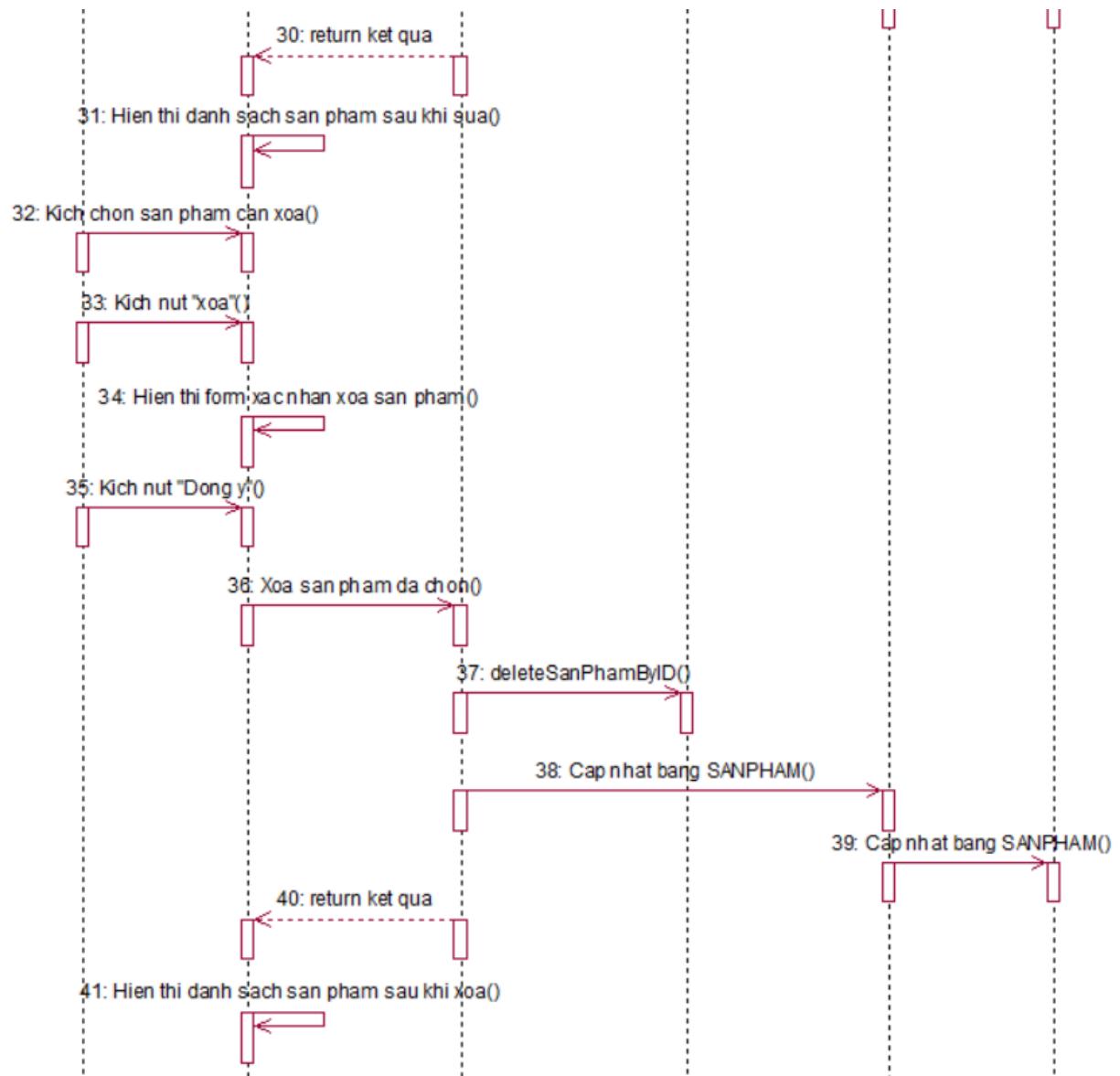
2.1.3 Phân tích use case Bảo trì sản phẩm (Lê Văn Yên)

2.1.3.1. Biểu đồ trình tự

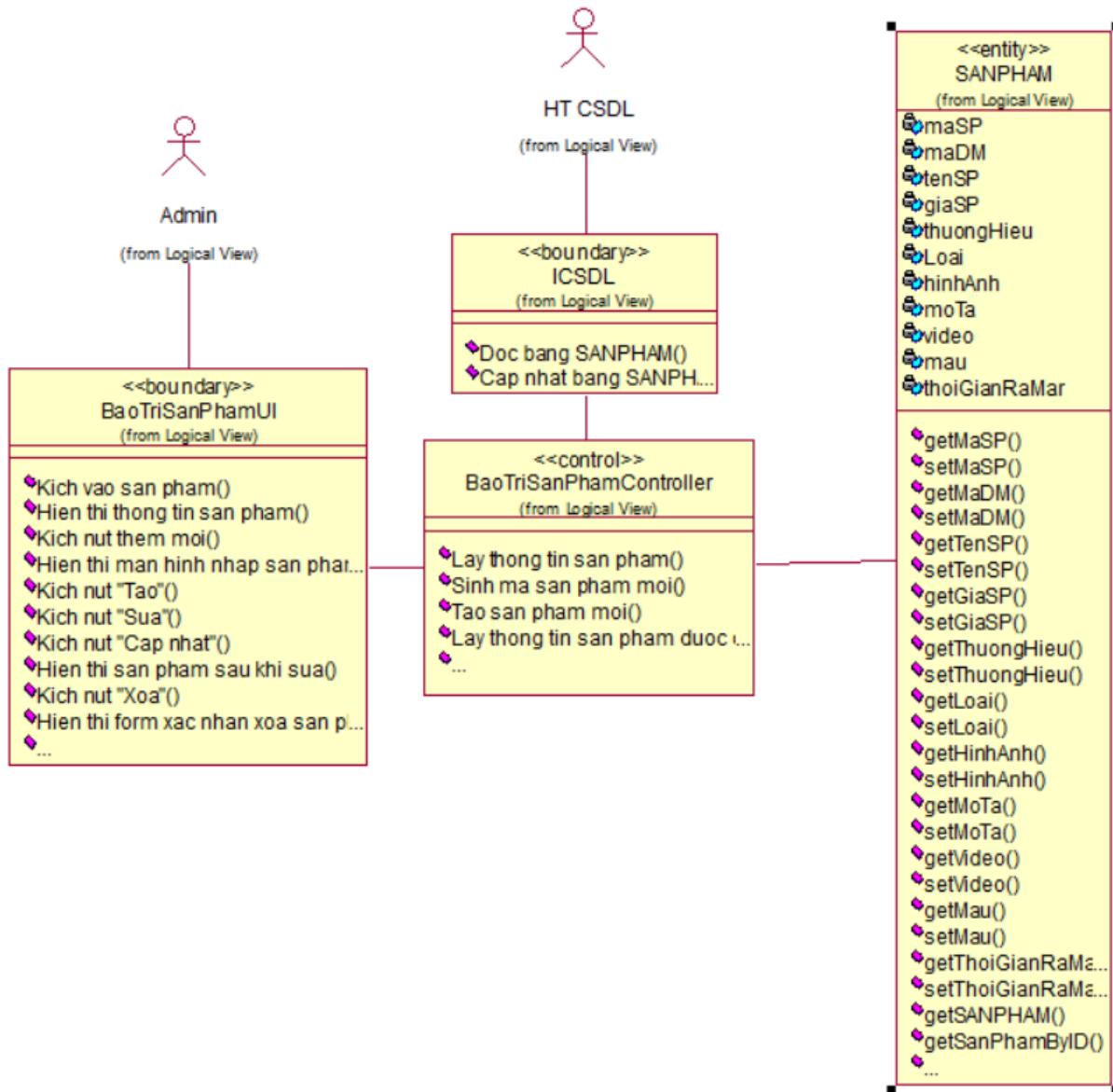






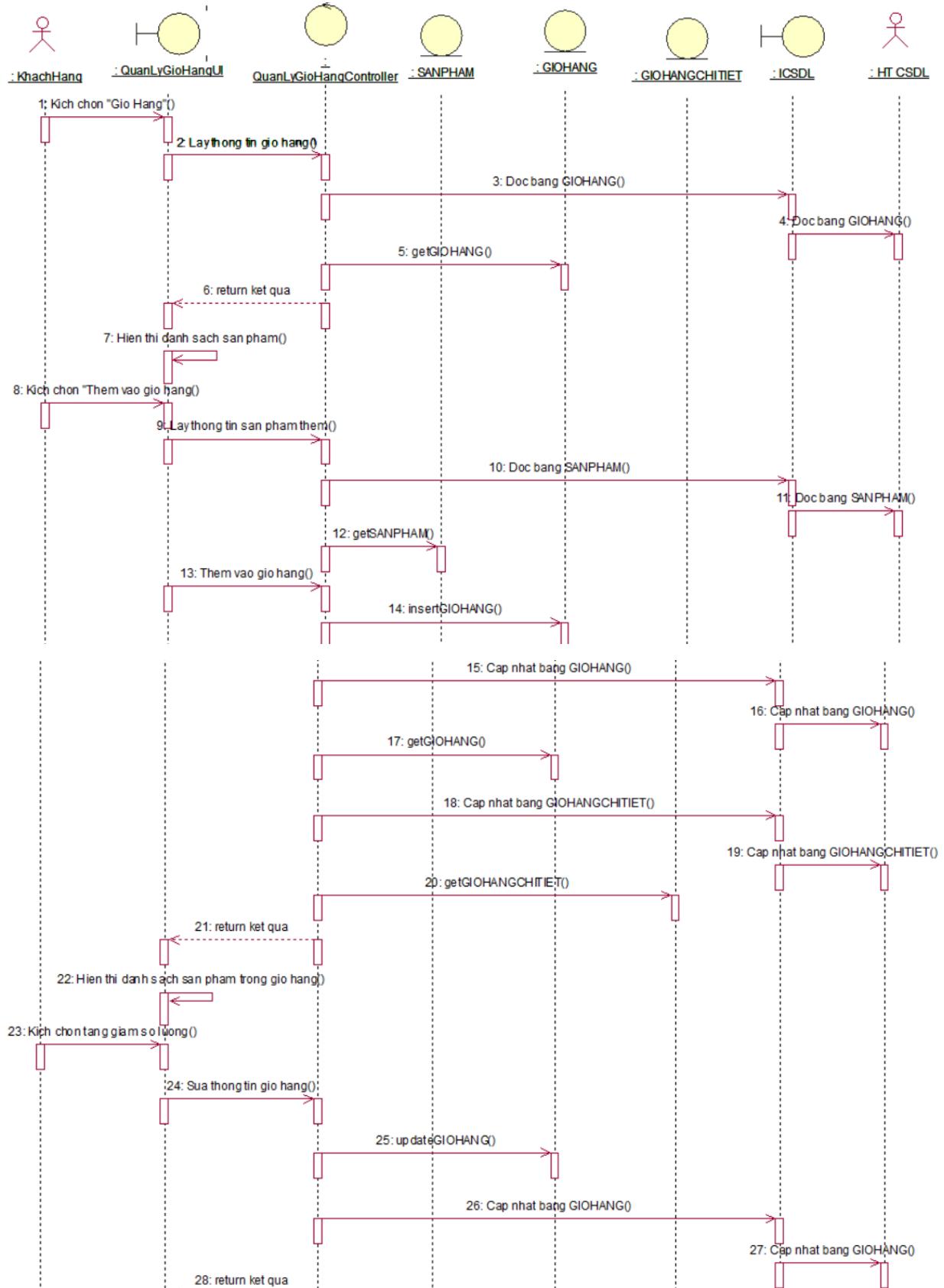


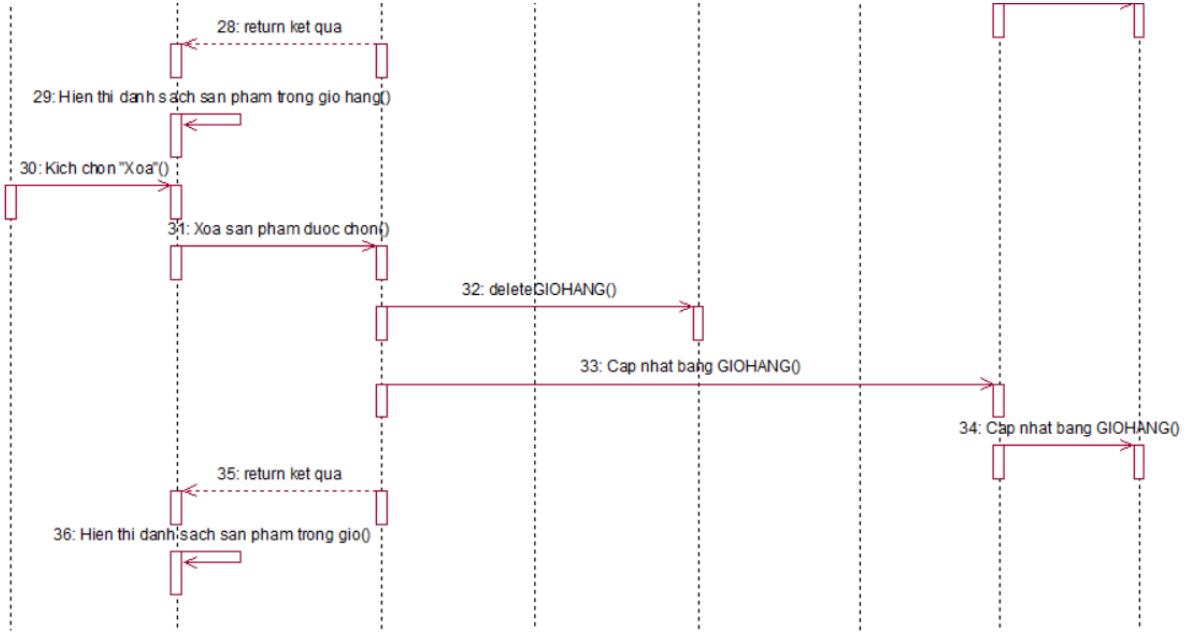
2.2.3.2 Biểu đồ lớp phân tích



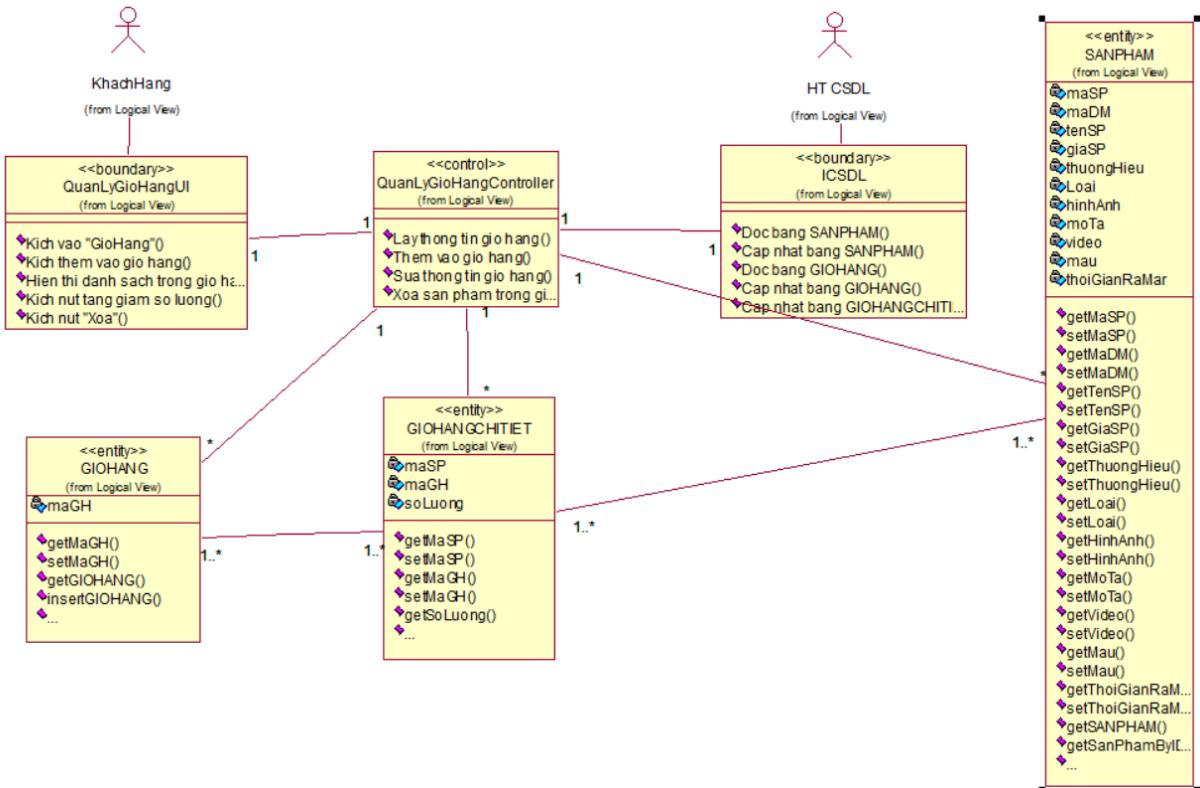
2.1.4 Phân tích use case Quản lý giỏ hàng (Lê Văn Yên)

2.1.4.1 Biểu đồ trình tự



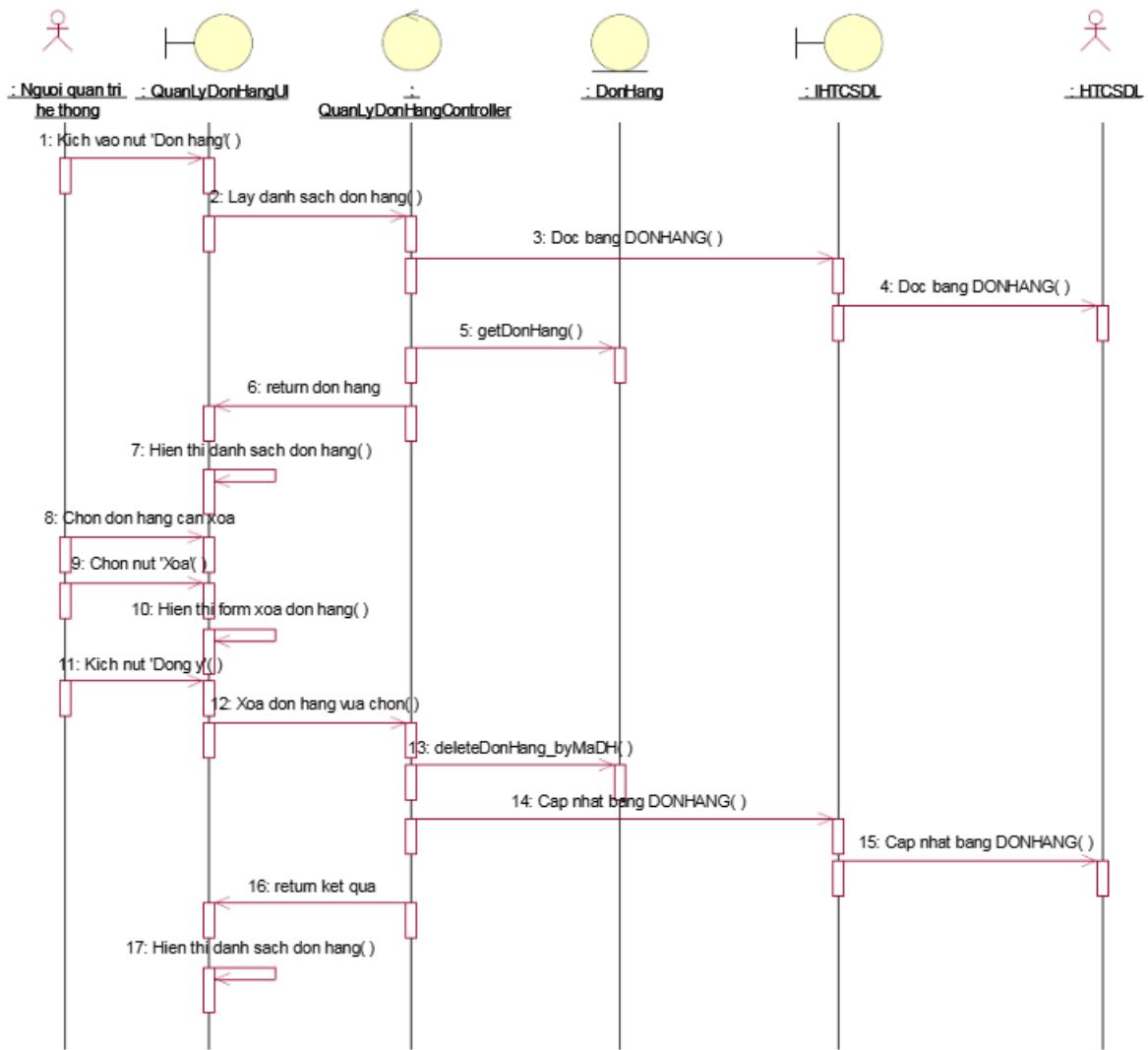


2.1.4.2 Biểu đồ lớp phân tích

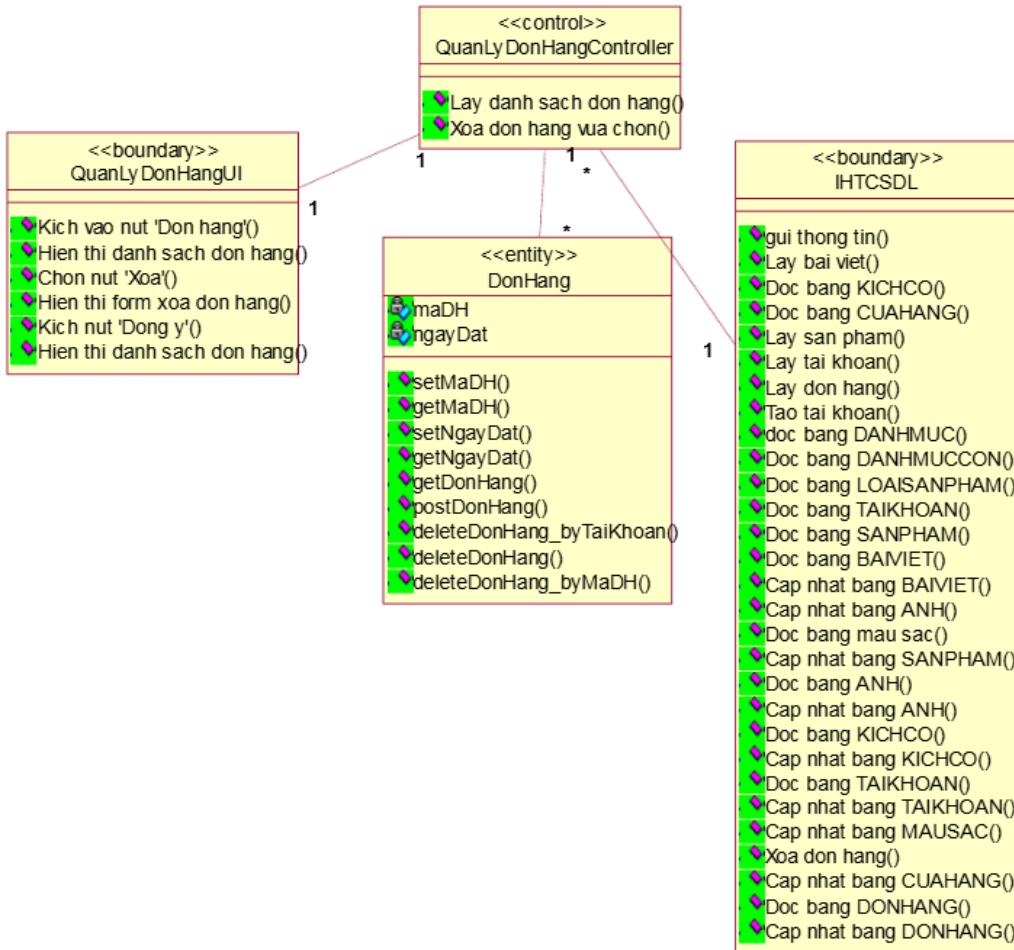


2.1.5 Phân tích usecase Quản lý đơn hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung):

2.1.5.1. Biểu đồ trình tự

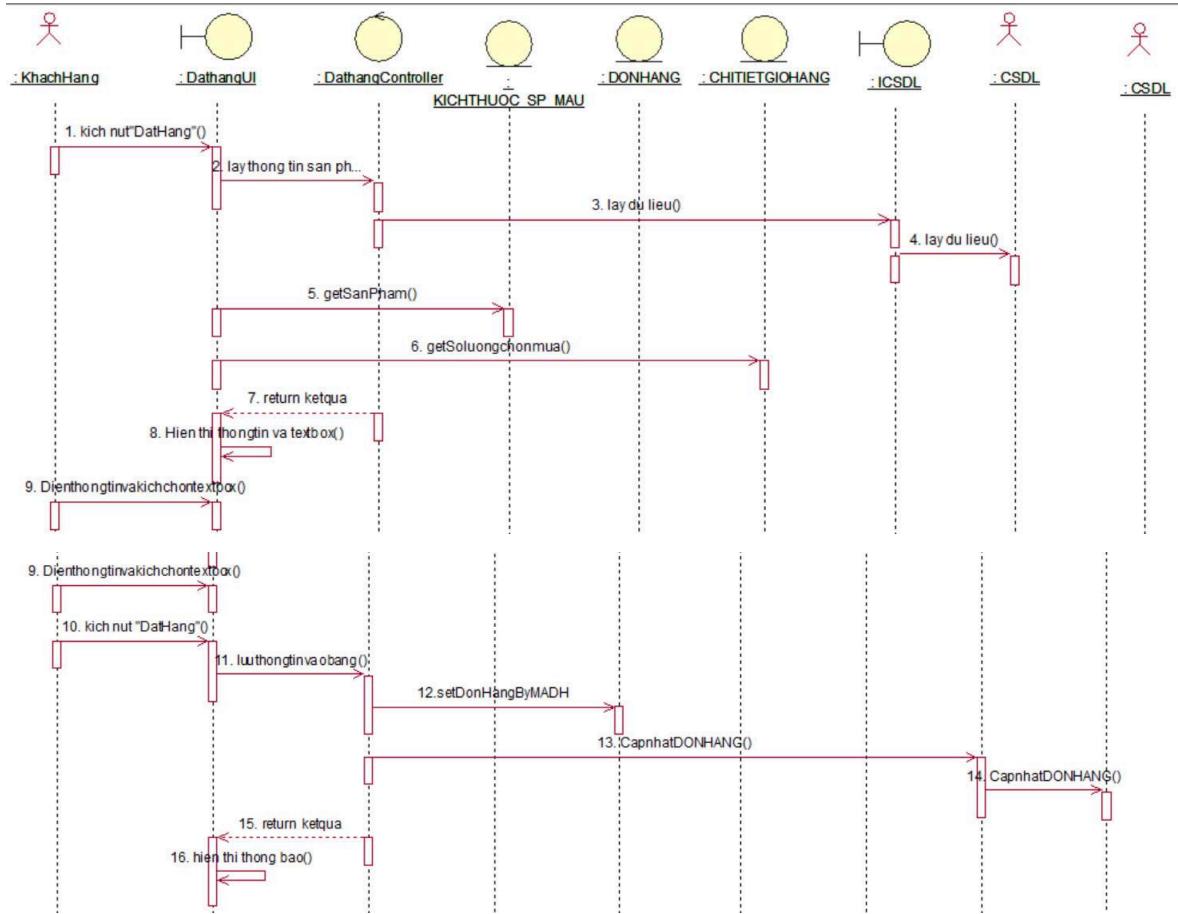


2.1.5.2 Biểu đồ lớp phân tích

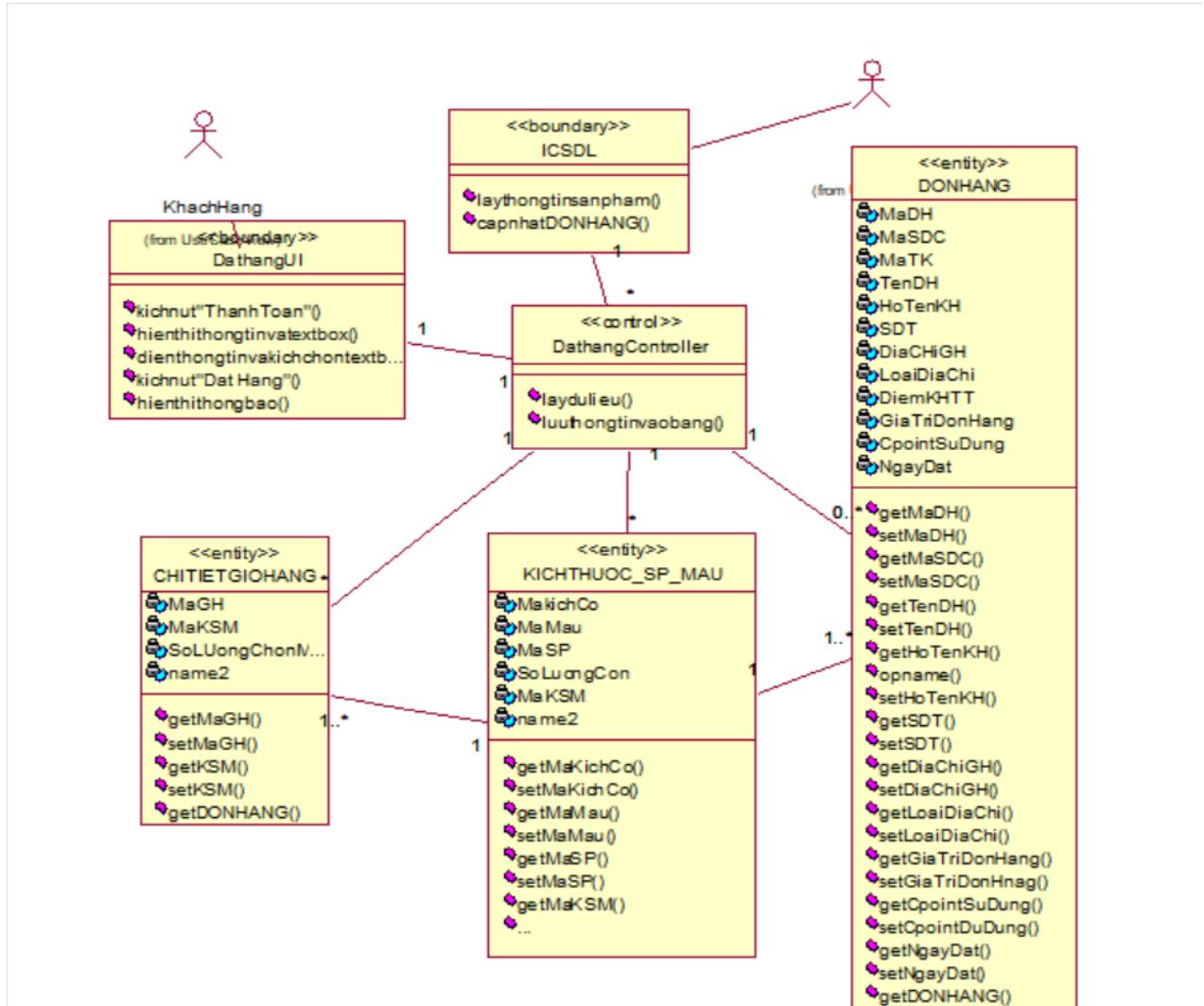


2.1.6 Phân tích usecase Đặt hàng(Nguyễn Thị Hồng Nhung):

2.1.6.1 Biểu đồ trình tự

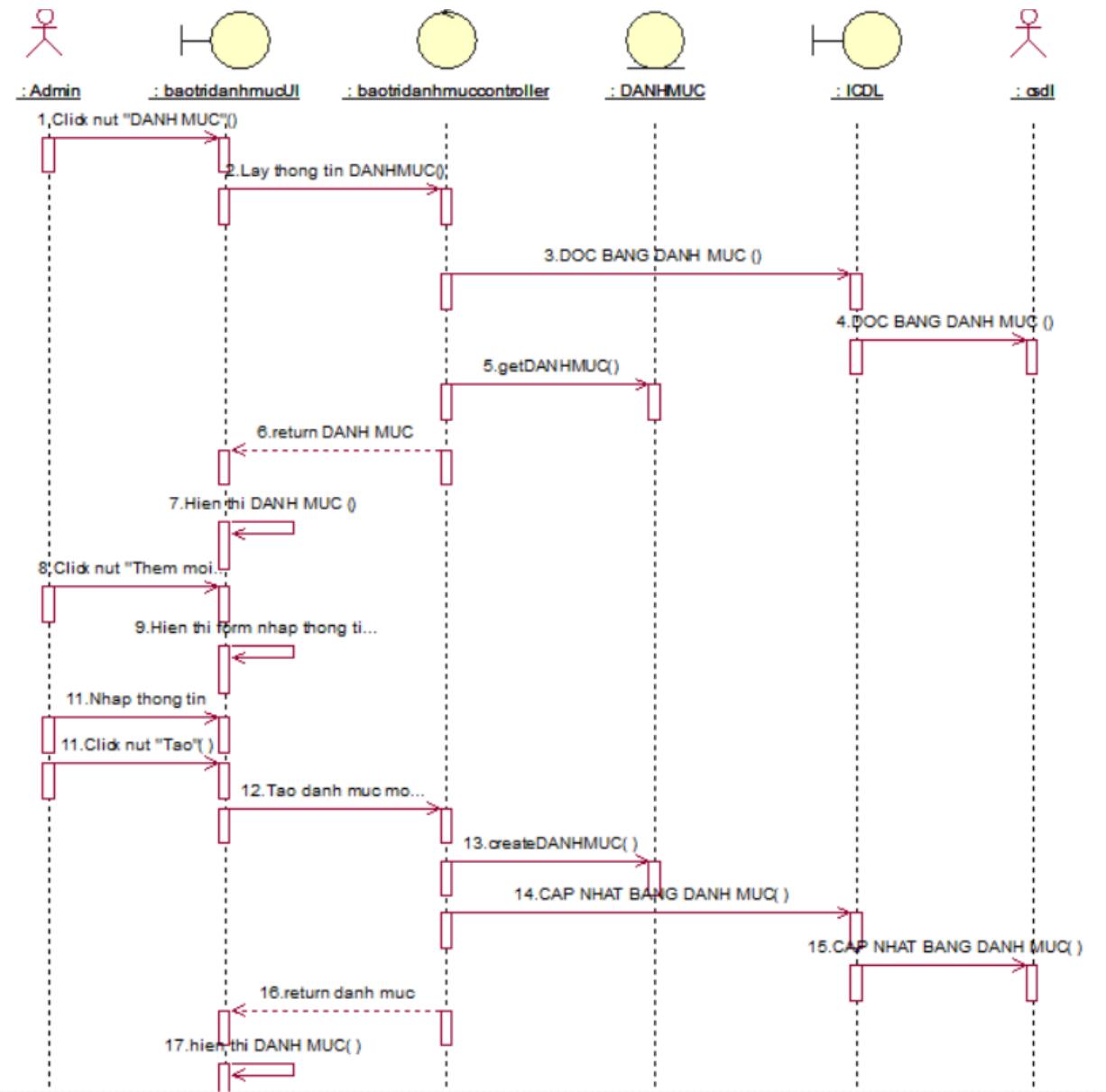


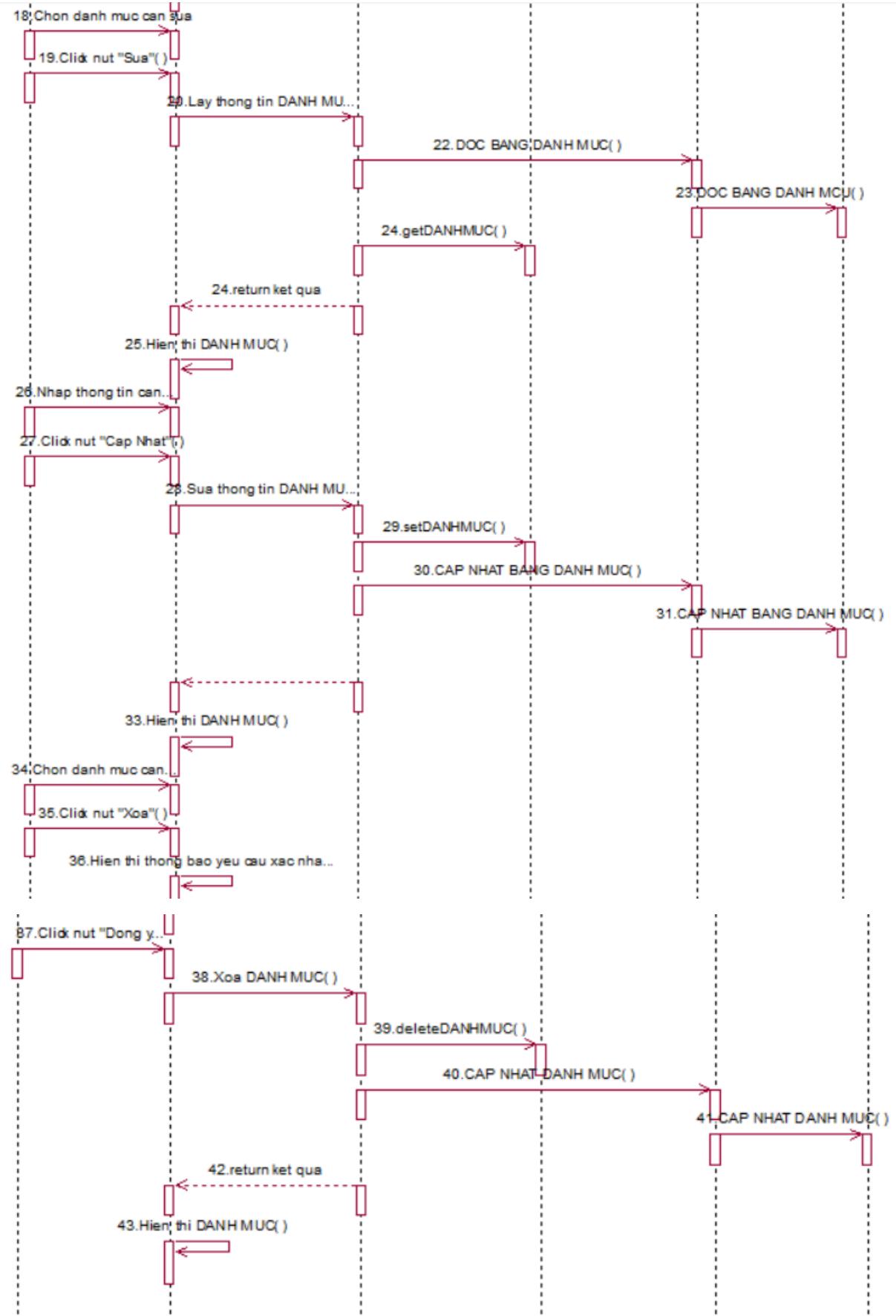
2.1.6.2. Biểu đồ lớp phân tích



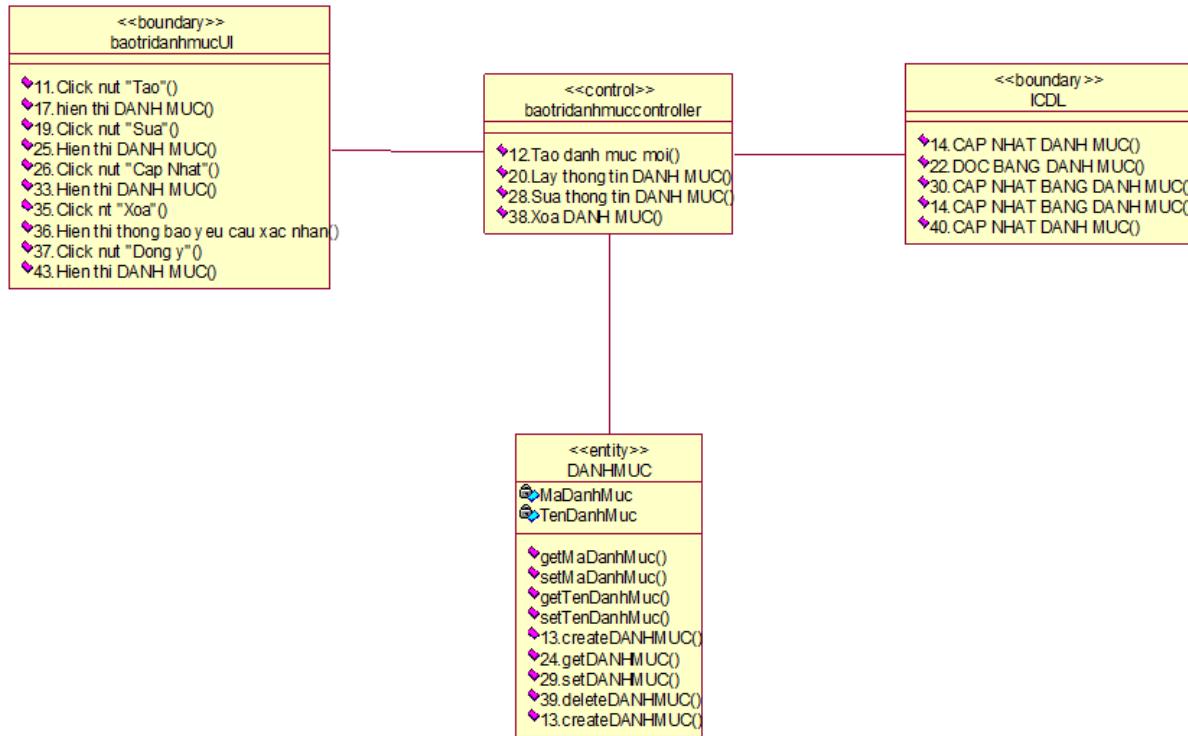
2.1.7 Phân tích use case Bảo trì danh mục.(Nguyễn Thành Tùng)

2.1.7.1 Biểu đồ tuần tự



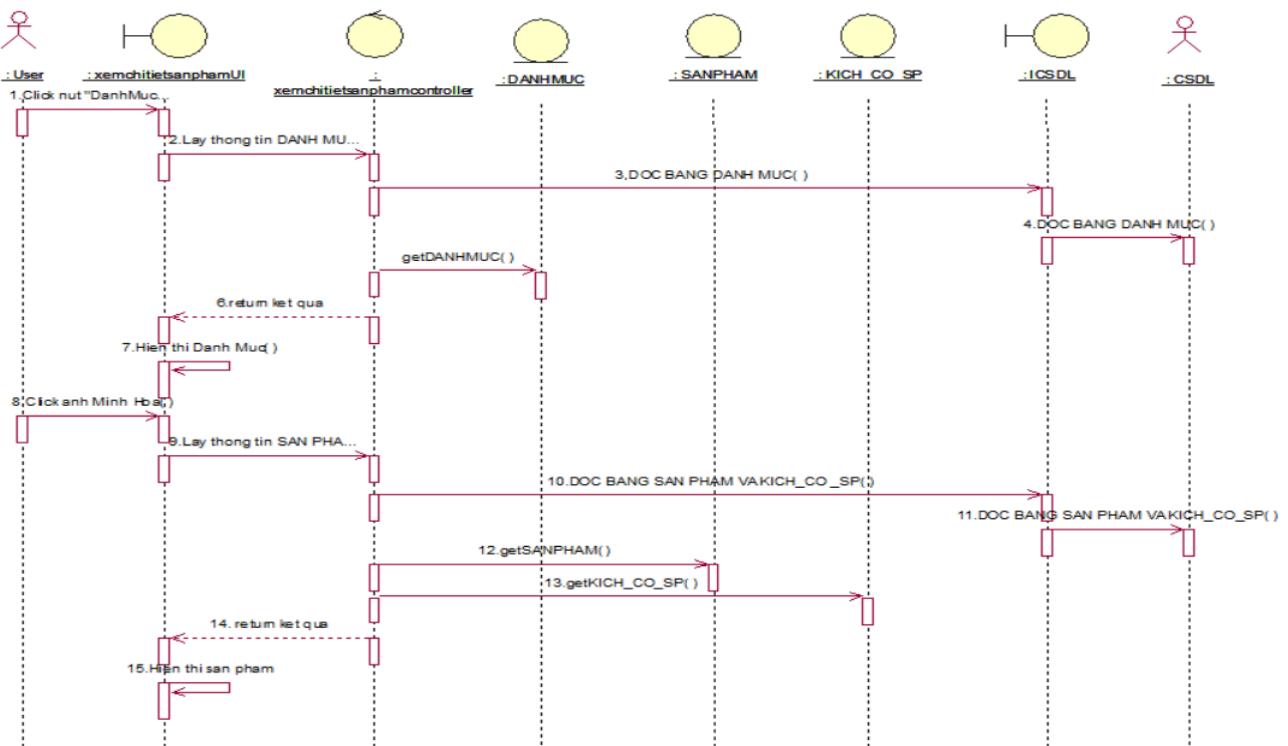


2.1.7.2 Biểu đồ lớp phân tích

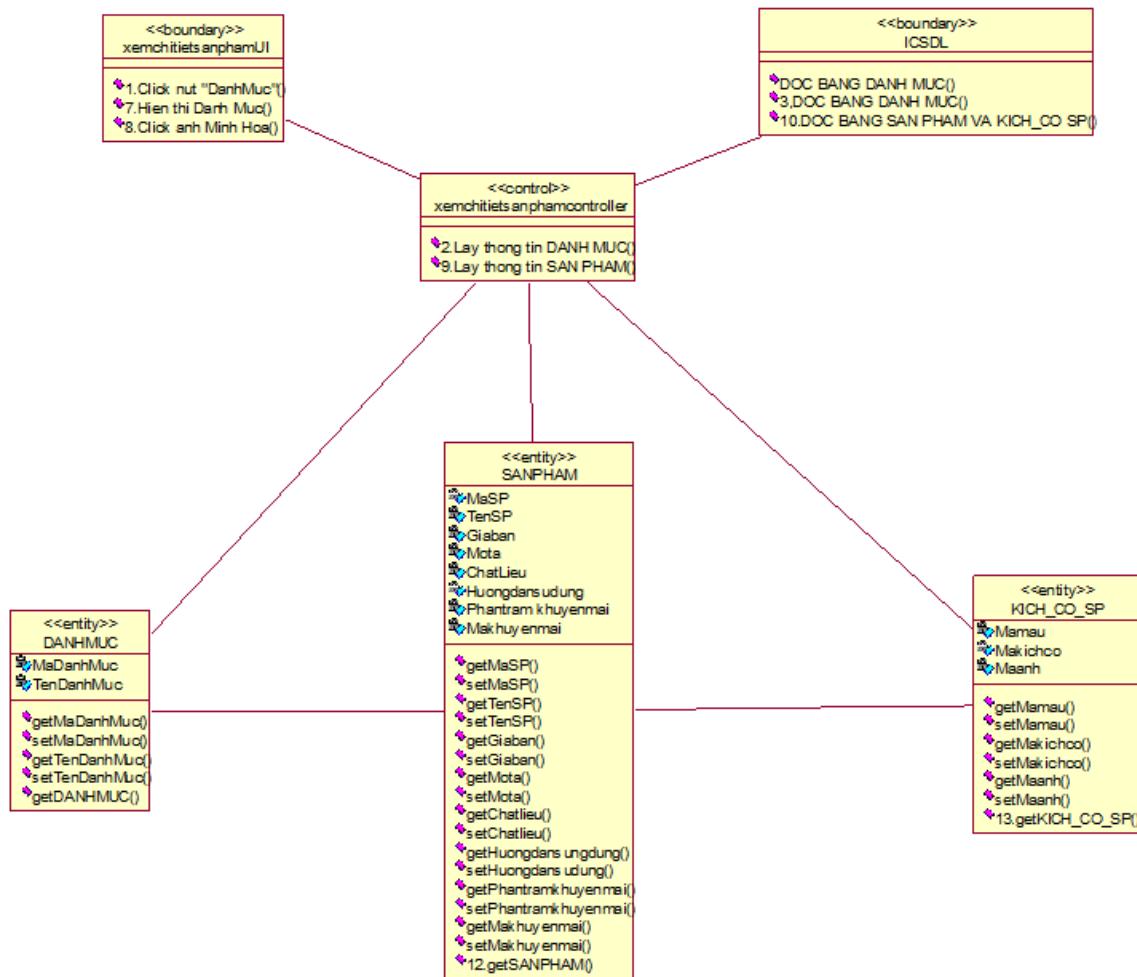


2.1.8 Phân tích use case Xem chi tiết sản phẩm(Nguyễn Thành Tùng)

2.1.8.1 Biểu đồ tuần tự

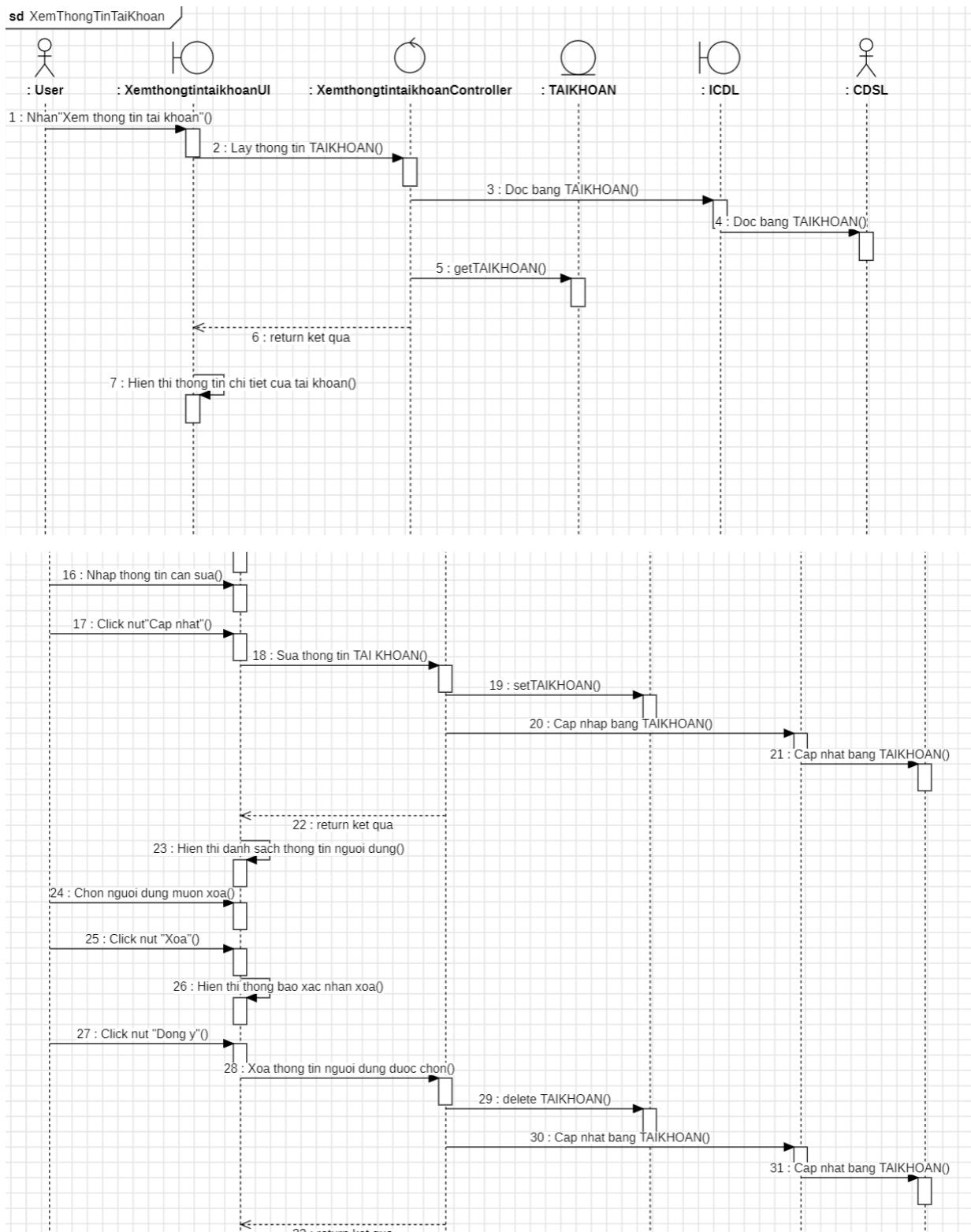


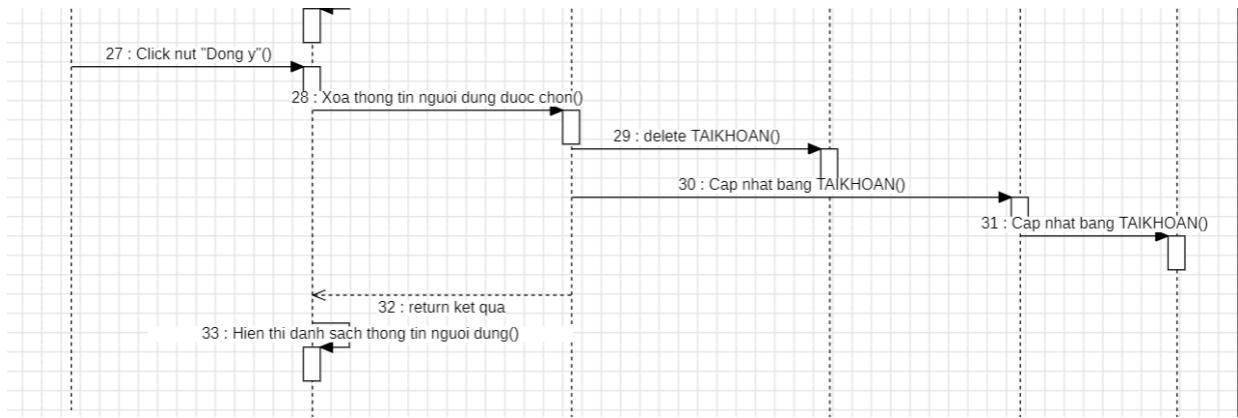
2.1.8.2 Biểu đồ lớp phân tích



2.1.9 Phân tích use case Xem thông tin tài khoản(Hoàng Quốc Việt)

2.1.9.1 Biểu đồ tuần tự:

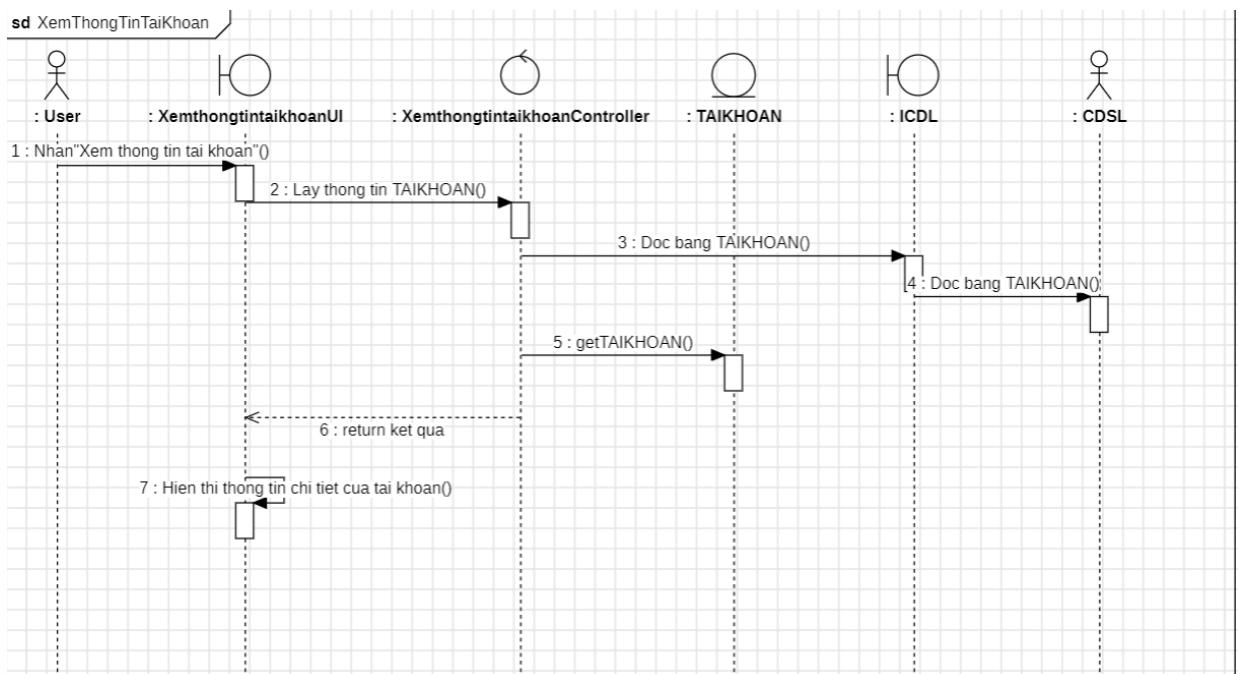




2.1.9.2 Biểu đồ lớp phân tích:

2.1.10 Phân tích use case Bảo trì thông tin người dùng(Hoàng Quốc Việt)

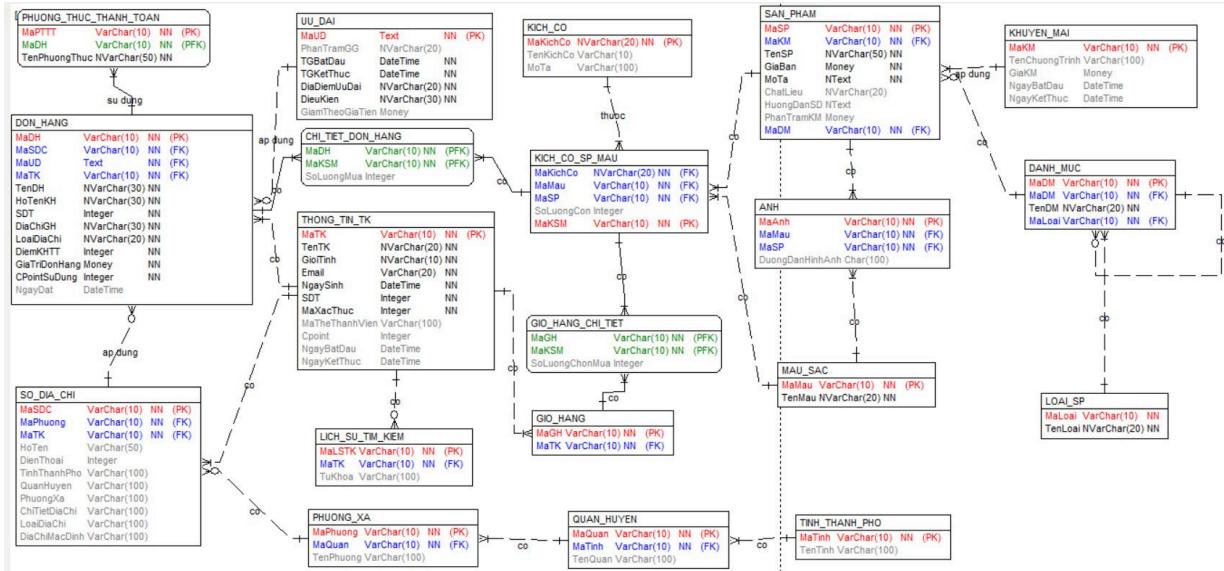
2.1.10.1 Biểu đồ tuần tự:



2.1.10.2 Biểu đồ lớp phân tích:

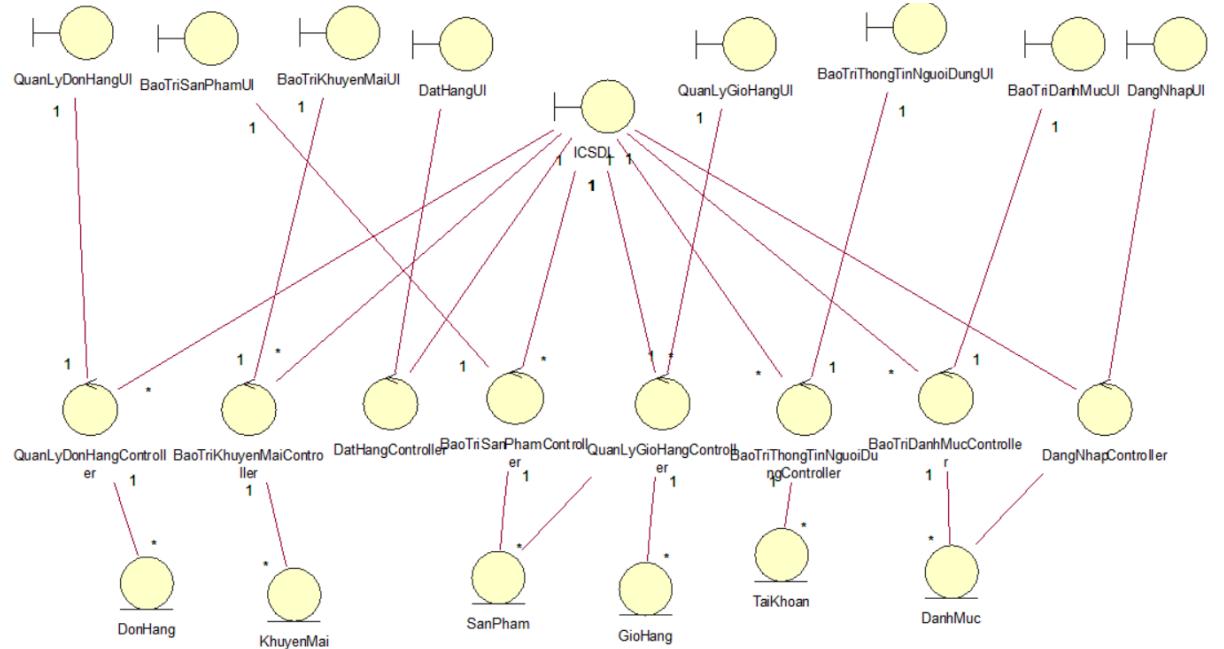
2.2 Các biểu đồ tổng hợp

2.2.1 Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống



2.2.2 Biểu đồ các lớp phân tích của hệ thống

2.2.2.1 Biểu đồ các lớp phân tích của nhóm use case chính



2.2.2.2 Biểu đồ các lớp phân tích của nhóm use case use case thứ cấp

